

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa

Trụ sở chính: 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38377660 Fax: 028.38369031

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Tăng Thị Minh Tân

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0908667400, 028.38377660 Fax: 08.38369031

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Sài Gòn Hòa xa họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 như sau:

- Thời gian: 08 giờ 30' ngày 28/6/2019;

- Địa điểm: Khách sạn Liberty Sài Gòn Parkview, 265 Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh.

- Nội dung dự kiến: Sửa đổi Điều lệ; kết quả hoạt động SXKD năm 2018; Báo cáo của Tổng giám đốc; Báo cáo hoạt động của HĐQT; Báo cáo hoạt động của BKS; BCTC năm 2018 đã được kiểm toán; phân phối lợi nhuận năm 2018; kế hoạch năm 2019; lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2019; phê chuẩn công ty kiểm toán BCTC cho năm 2019; miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT; miễn nhiệm tư cách kiểm soát viên và bầu bổ sung kiểm soát viên; bầu thành viên HĐQT, kiểm soát viên.

- Tài liệu họp: Được gửi tới từng cổ đông và được đăng tải trên website Công ty tại địa chỉ: <http://www.saigonhoaxa.com.vn/?investors.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019

Người thực hiện công bố thông tin



Tăng Thị Minh Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

THÔNG BÁO MỜI HỌP

Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa trân trọng kính mời:

Quý cổ đông:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số CMND/Thẻ căn cước công dân (CCCD)/Hộ chiếu/MSDN:

Mã số biểu quyết:

Số lượng cổ phần sở hữu:

đến tham dự họp:

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Thời gian: **08h30, thứ sáu (cả ngày), ngày 28/6/2019**

Địa điểm: **Khách sạn Liberty SaiGon ParkView, 265 Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh**

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý cổ đông.

Trân trọng kính mời!

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN THIÊN KIM

Ghi chú:

* **Chương trình và tài liệu Đại hội:** Được gửi kèm và đăng tải trên website Công ty tại địa chỉ: <http://www.saigonhoaxa.com.vn/?/investors.html> từ ngày 14/06/2019.

* **Ủy quyền tham dự:** Quý cổ đông không tham dự trực tiếp có thể ủy quyền cho người khác dự họp, theo mẫu Giấy ủy quyền gửi kèm.

* **Tham dự Đại hội:** Quý cổ đông/Người được ủy quyền vui lòng có mặt trước giờ khai mạc 30 phút để làm thủ tục đăng ký tham dự, mang theo tất cả Tài liệu Đại hội đã được gửi kèm Thông báo mời họp.

Thủ tục đăng ký tham dự: Đối với cổ đông, khi tham dự họp vui lòng mang theo Thông báo mời họp, CMND/CCCD/Hộ chiếu (*bản chính*); đối với trường hợp được ủy quyền, người được ủy quyền khi tham dự vui lòng mang theo Giấy ủy quyền (*bản chính*), Thông báo mời họp của người ủy quyền và CMND/CCCD/Hộ chiếu (*bản chính*) của người nhận ủy quyền.

Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên: Để thuận lợi cho công tác tổ chức, Quý cổ đông vui lòng gửi hồ sơ đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị (nếu có) gửi về bằng cách gửi thư cho Trường Ban tổ chức Đại hội (bà Tăng Thị Minh Tân) theo địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh. (để thuận tiện cho công tác tổ chức bầu cử, Quý cổ đông vui lòng gửi cho Công ty chậm nhất 16h ngày 26/6/2019).

* Cổ đông nếu không tham dự trực tiếp hoặc không ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội có thể gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp bằng cách gửi thư cho Trường Ban tổ chức Đại hội (bà Tăng Thị Minh Tân) theo địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh (để thuận tiện cho công tác kiểm Phiếu biểu quyết, Quý cổ đông vui lòng gửi cho Công ty chậm nhất 16h ngày 27/6/2019).

* Các ý kiến cho Chương trình nghị sự của Đại hội (nếu có) đề nghị Quý cổ đông/ Người được ủy quyền gửi về Trường Ban tổ chức Đại hội (bà Tăng Thị Minh Tân) theo địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh hoặc fax số 84-28-3836 9031, chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>



CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

Thời gian: 8h30 thứ sáu (cả ngày), ngày 28 tháng 6 năm 2019.

Địa điểm: Khách sạn Liberty SaiGon Parkview, 265 Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP.Hồ Chí Minh

Thời gian	Nội dung
8.00-8:30	Đăng ký danh sách cổ đông (CD)
8:30-8:40	Diễn văn khai mạc Đại hội Báo cáo kiểm tra tư cách CD Giới thiệu Chủ tọa
8:40-9:20	Chỉ định Thư ký Đề nghị thông qua Ban kiểm phiếu Đề nghị thông qua Chương trình nghị sự Đề nghị thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội
9:20-9:40	Báo cáo của Tổng giám đốc (TGD) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)
9:40-10:00	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS)
10:00-10:20	Thông báo về danh sách người có liên quan và lợi ích liên quan của Công ty
10:20-10:40	Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán
11:15-12:00	Tờ trình về các nội dung sau: Sửa đổi Điều lệ Kết quả hoạt động SXKD năm 2018 Báo cáo của TGD Báo cáo hoạt động của HĐQT Báo cáo hoạt động của BKS Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán Kế hoạch năm 2019 Phân phối lợi nhuận năm 2018

Thời gian	Nội dung
	Lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2019 Phê chuẩn công ty kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2019 Miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT Miễn nhiệm thành viên BKS và bầu bổ sung thành viên BKS
12:00 – 12:30	Thảo luận và biểu quyết thông qua các Tờ trình/nội dung trong Tờ trình
12:30-13:00	Nghỉ giải lao
13:00 – 13:15	Công bố kết quả biểu quyết
13:15 – 14:30	Bầu cử
14:30 – 15:15	Trình bày Nghị quyết ĐHĐCĐ và biểu quyết thông qua
15:15 – 16:55	Trình bày Biên bản cuộc họp và biểu quyết thông qua
16:55 – 17:00	Bế mạc



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

QUY CHẾ LÀM VIỆC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa (Công ty) được tiến hành vào ngày 28/6/2019. Để đảm bảo cho cuộc họp thành công, đúng các thủ tục và hiệu quả cao, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty xin trình những nguyên tắc làm việc cơ bản của cuộc họp ĐHCĐ như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa;
- Căn cứ vào Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

II. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐHCĐ

Các nội dung cuộc họp ĐHCĐ thảo luận và biểu quyết thông qua:

1. Bầu Ban kiểm phiếu (BKP).
2. Chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHCĐ.
3. Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHCĐ.
4. Báo cáo của Tổng giám đốc.
5. Báo cáo hoạt động của HĐQT.
6. Báo cáo hoạt động của BKS.
7. Sửa đổi Điều lệ.
8. Kết quả SXKD năm 2018.
9. Kế hoạch năm 2019.
10. Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán.
11. Phân phối lợi nhuận năm 2018.
12. Phương án tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2019.
13. Phê chuẩn công ty kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2019.

quyết của CĐ và phiếu biểu quyết của CĐ ủy quyền (nếu người dự họp trực tiếp được CĐ ủy quyền);

- Đăng ký dự họp với Ban kiểm tra tư cách CĐ dự họp (BKT);
- Ăn mặc lịch sự;
- Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai ngay từ đầu khi vào cuộc họp và phải được sự đồng ý của Chủ tọa cuộc họp;
- Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, Chương trình nghị sự, sự điều khiển của Chủ tọa và kết quả làm việc tại Đại hội.

4. Quyền của người triệu tập

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa

- Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa, có chức năng điều khiển cuộc họp theo Chương trình nghị sự, các quy định đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của CĐ nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ.

- Có quyền hoãn, tạm dừng cuộc họp trong các trường hợp: Không đủ số người dự họp theo tỷ lệ quy định; có đủ số người nhưng trong quá trình diễn ra cuộc họp có người hoặc nhóm người dự họp hoặc người bên ngoài có hành vi ngăn trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cuộc họp không được tiến hành nghiêm túc, họp pháp theo Chương trình nghị sự, Quy chế làm việc, ... đã được thông qua và các trường hợp khác quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

6. BKT

- BKT gồm một trưởng ban và các thành viên. BKT phải có ít nhất một thành viên của BKS đương nhiệm. Trưởng họp vì các lý do khách quan mà không có ít nhất một thành viên BKS đương nhiệm tham gia thì Công ty cử người khác thay thế.

- Nhiệm vụ của BKT:

• Tiếp nhận Thông báo mời họp của CĐ hoặc Giấy ủy quyền, CMND/CCCD/Hộ chiếu, các tài liệu liên quan khác ... của người tham dự Đại hội để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách CĐ có quyền dự họp và tiến hành đăng ký dự họp;

- Phát cho CĐ và người được CĐ ủy quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết (trong trường hợp phải cấp lại phiếu biểu quyết);

- Trường hợp người đến tham dự họp không có đủ tư cách tham dự thì có quyền từ chối cho vào, từ chối cấp tài liệu;

- Lập và báo cáo ĐHĐCĐ kết quả kiểm tra tư cách CĐ tham dự họp trước khi khai mạc cuộc họp và trước mỗi lần biểu quyết hoặc bầu cử nếu có sự thay đổi về số CĐ đăng ký tham dự.

7. Thư ký cuộc họp

- Nhân sự Thư ký do Chủ tọa chỉ định, gồm 01 người;

- Trách nhiệm của Thư ký cuộc họp:

- Ghi chép trình tự diễn biến cuộc họp, tóm tắt ý kiến đóng góp của CĐ, Chủ tọa trong suốt quá trình diễn ra Đại hội;

- Lập Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ và trình bày dự thảo Biên bản để ĐHĐCĐ thông qua;

- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Chủ tọa.

8. BKP

a. Tư cách của BKP:

- BKP do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua;

- Việc biểu quyết thông qua BKP do Chủ tọa cử người đứng ra kiểm phiếu và thông báo kết quả với Chủ tọa.

b. Nhiệm vụ của BKP:

- BKP tổ chức kiểm Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết các vấn đề trong cuộc họp ĐHĐCĐ, trừ biểu quyết về việc thông qua BKP (Chủ tọa sẽ chỉ định thành viên kiểm thẻ biểu quyết thông qua BKP). Đồng thời, BKP phải lập biên bản về việc kiểm phiếu đó.

- Phát phiếu bầu cử, tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu bầu cử.

- Chủ tọa ủy quyền BKP công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp.

IV. CÁC QUY ĐỊNH TIẾN HÀNH CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

1. Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số CĐ dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp số GD đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ chưa đại diện đủ cho 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách CĐ có quyền dự họp ĐHĐCĐ thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành. Trong trường hợp này, việc triệu tập và tiến hành cuộc



họp lần 2 sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Công cụ thực hiện biểu quyết

a. Thẻ biểu quyết (phát sau khi đăng ký dự họp)

- Thẻ biểu quyết được dùng để thông qua các vấn đề sau đây theo diễn biến của Đại hội:

- + Nhân sự BKP;
- + Chương trình nghị sự;
- + Quy chế làm việc;
- + Danh sách ứng viên BKS;
- + Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- + Biên bản họp ĐHĐCĐ;
- + Các vấn đề phát sinh ngay tại cuộc họp.
- Hình thức Thẻ biểu quyết:
 - + Có đóng dấu treo (bản gốc) của Công ty;
 - + Mã số biểu quyết;
 - + Tên CĐ;
 - + Số cổ phần sở hữu;
 - + Nội dung cần biểu quyết;
 - + Các ô để thể hiện ý kiến biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến);
 - + Phần ký tên của CĐ/người được CĐ ủy quyền.

b. Phiếu biểu quyết (thuộc Tài liệu gửi kèm cùng với Thông báo mời họp để CĐ có thể gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư vì không đi dự họp trực tiếp hoặc vì không ủy quyền dự họp)

- Phiếu biểu quyết được dùng để thông qua các nội dung khác còn lại của cuộc họp (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết nêu trên và Phiếu bầu cử).

- Hình thức Phiếu biểu quyết:
 - + Có đóng dấu treo (bản gốc) của Công ty;
 - + Mã số biểu quyết;
 - + Tên CĐ;
 - + Số cổ phần sở hữu;
 - + Nội dung cần biểu quyết;



+ Các ô để thể hiện ý kiến biểu quyết quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến);

+ Phân ký tên của CĐ/người được CĐ ủy quyền.

3. Biểu quyết thông qua các vấn đề

- ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung Chương trình nghị sự.

- Thẻ biểu quyết sẽ được phát cho từng CĐ/người được CĐ ủy quyền tham dự trực tiếp tại cuộc họp vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ. CĐ/người được CĐ ủy quyền lựa chọn ý kiến biểu quyết nào thì ký tên vào ô tương ứng. Trường hợp CĐ/người được CĐ ủy quyền tại cuộc họp thay đổi ý kiến biểu quyết thì CĐ/người được CĐ ủy quyền gạch chéo vào ô đã ký, rồi ký lại vào ô khác.

- Phiếu biểu quyết sẽ được gửi cho từng CĐ kèm theo Thư mời họp ĐHĐCĐ hoặc được cấp lại tại ĐHĐCĐ (có đóng dấu "PHIẾU CẤP LẠI"). CĐ/người được CĐ ủy quyền lựa chọn ý kiến biểu quyết nào thì ký tên vào ô tương ứng. Trường hợp CĐ/người được CĐ ủy quyền thay đổi ý kiến biểu quyết thì CĐ/người được CĐ ủy quyền gạch chéo vào ô đã ký, rồi ký lại vào ô khác.

- CĐ/người được CĐ ủy quyền sẽ thực hiện bầu cử theo quy định tại Thẻ lệ bầu cử sau khi đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Các CĐ/người được CĐ ủy quyền tham dự trực tiếp họp ĐHĐCĐ bỏ phiếu tại cuộc họp.

- Các CĐ không tham dự trực tiếp cũng như không ủy quyền cho người khác tham dự thay thì có thể gửi phiếu biểu quyết về Công ty bằng hình thức Biểu quyết từ xa; trường hợp thư đến muộn nhưng cuộc họp ĐHĐCĐ chưa kết thúc BKP phải thực hiện việc tiếp nhận ngay (sau khi được Trưởng ban tổ chức chuyển cho) và đưa vào để kiểm đếm tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để phục vụ công tác này và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng. Thời hạn cho việc nhận Phiếu biểu quyết từ xa là từ khi CĐ nhận được Thông báo mời họp cho đến trước khi các nội dung biểu quyết tại Đại hội đã kết thúc theo Chương trình nghị sự được thông qua. Trong trường hợp này, Phiếu biểu quyết từ xa (sau khi CĐ đã lựa chọn ý kiến biểu quyết) cùng với Thông báo mời họp được bỏ vào một phong bì thư dán kín, bên ngoài ghi thông tin CĐ gửi (tên, địa chỉ) và dòng chữ "Phiếu biểu quyết" và được gửi về Trưởng ban tổ chức Đại hội của Công ty bằng hình thức Biểu quyết từ xa. Khi kiểm phiếu, Phiếu biểu quyết từ xa sẽ được đóng dấu "BỎ PHIẾU TỪ XA" để phân biệt với các phiếu biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp và có giá trị như các phiếu biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

- Đối với các nội dung biểu quyết mà ĐHĐCĐ quyết định điều chỉnh/bổ sung/biểu quyết chi tiết hơn theo từng vấn đề, Ban tổ chức sẽ phát Thẻ biểu quyết riêng cho các nội dung này để các CĐ/người được CĐ ủy quyền thực hiện biểu quyết vào Thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của BKP. Các nội dung mà

ĐHĐCĐ quyết định điều chỉnh/biểu quyết chi tiết hơn sẽ thay thế nội dung tương ứng tại Phiếu biểu quyết đã gửi kèm thư mời họp.

- Trong trường hợp tại Đại hội phát sinh các nội dung biểu quyết mới hoặc điều chỉnh hoặc biểu quyết chi tiết hơn các nội dung biểu quyết hiện hữu của Chương trình nghị sự thì các CĐ thực hiện quyền biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu từ xa sẽ được xem không bỏ phiếu tại nội dung đó. Tỷ lệ biểu quyết sẽ được tính trên tổng số phiếu các CĐ tham dự Đại hội.

- **Các Thẻ/Phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính nếu thuộc một trong các trường hợp sau:**

✓ Không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không phải là bản gốc có dấu của Công ty;

✓ Thẻ/Phiếu bị rách, gạc, tẩy xóa, sửa chữa, trừ trường hợp thay đổi ý kiến biểu quyết được quy định ở trên;

✓ Thẻ/Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu, trừ trường hợp theo yêu cầu của Chủ tọa;

✓ Thẻ/Phiếu biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của CĐ/người được CĐ ủy quyền, không ký tên ý kiến nào hoặc ký tên từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến; biểu quyết nào mà có vi phạm nêu trên thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ;

✓ Phiếu biểu quyết từ xa không gửi về Công ty theo đúng quy định tại Quy chế này (đối với trường hợp biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu từ xa).

- Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Thẻ, Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác;

- Trường hợp CĐ đã đăng ký tham dự ĐHĐCĐ nhưng vì lý do quan trọng không thể có mặt đến hết chương trình ĐHĐCĐ, CĐ đó phải gửi lại Thẻ/ Phiếu biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Trường BKP trước khi ra về. Nếu CĐ bỏ về và không gửi lại Thẻ/ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử cho Trường BKP xem như CĐ đó không bỏ phiếu và không thực hiện bầu cử đối với các vấn đề cần lấy ý kiến, bầu cử.

- Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn CĐ/người được CĐ ủy quyền nào bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 10 phút kể từ khi BKP thông báo bỏ phiếu lần cuối cùng, tùy theo điều kiện nào đến trước.

- Trường hợp CĐ/người được CĐ ủy quyền quên mang Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết không còn nguyên vẹn, CĐ/người được CĐ ủy quyền có thể liên hệ với Ban tổ chức để làm thủ tục cấp lại. Phiếu biểu quyết mới sẽ được đóng dấu "PHIẾU CẤP LẠI".

- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua khi số phiếu biểu quyết tán thành về nội dung đó đạt được tỷ lệ quy định trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Bầu cử

Phiếu bầu cử sẽ được BKP phát cho CĐ/người được CĐ ủy quyền tại thời điểm bầu cử. CĐ/người được CĐ ủy quyền sẽ thực hiện bầu cử theo quy định tại Thể lệ bầu cử sau khi đã được ĐHĐCĐ thông qua.

5. Thảo luận và phát biểu ý kiến

- Chủ tọa điều khiển phần thảo luận của Đại hội theo Chương trình nghị sự đã được thông qua;

- CĐ hoặc người được CĐ ủy quyền phát biểu ý kiến thảo luận có thể ghi vào mẫu Phiếu góp ý kiến do Ban tổ chức phát, hoặc có thể đặt câu hỏi trực tiếp tại cuộc họp.

- Khi tham gia ý kiến, CĐ hoặc người được CĐ ủy quyền cần nói ngắn gọn cụ thể, rõ ràng (không quá 05 phút), tập trung những vấn đề cơ bản có trong nội dung Chương trình nghị sự, không lặp lại với ý kiến trước đó đã có người phát biểu, trên tinh thần trung thực, khách quan, xây dựng và vì lợi ích chung của Công ty;

- Nếu ý kiến phát biểu quá dài, trùng lặp, không nằm trong khuôn khổ nội dung của Chương trình nghị sự ... thì Chủ tọa có quyền yêu cầu ngừng hoặc chủ động cho thay thế bằng các ý kiến khác hoặc của CĐ khác;

- Những vấn đề mang tính tranh luận, chất vấn của CĐ/người được CĐ ủy quyền phải nằm trong khuôn khổ của Chương trình nghị sự đã được thông qua và nếu ngoài phạm vi này thì Chủ tọa có quyền chuyển ý kiến cho CĐ/người được CĐ ủy quyền khác, cho ngưng tranh luận hoặc không có trách nhiệm phải trả lời.

6. Biên bản họp ĐHĐCĐ

- Nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được thư ký Đại hội ghi tóm tắt vào biên bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

7. Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ được căn cứ vào:

- Nội dung trong các Báo cáo, Tờ trình đã được thông qua theo các tỷ lệ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

- Kết quả biểu quyết, bầu cử.



V. HIỆU LỰC THI HÀNH

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

Quy chế này có thể sửa đổi lại từng thời điểm trên cơ sở đề xuất của Chủ tọa Đại hội và phải được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT



Trần Thiên Kim





CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá tình hình hoạt động

Năm 2018 là năm đạt doanh thu thấp nhất trong vòng 13 năm kể từ khi cổ phần hóa và không đạt kế hoạch đề ra. Doanh thu của Công ty phụ thuộc phần lớn vào doanh thu từ lĩnh vực kinh doanh thương mại. Năm vừa qua, do Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn thay đổi về chính sách phân phối và cắt giảm sản lượng phân phối đối với Công ty, dẫn tới doanh thu về kinh doanh thuốc lá sụt giảm mạnh, làm ảnh hưởng tới doanh thu toàn Công ty.

Do sụt giảm mạnh về doanh thu, nên lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều giảm so với cùng kỳ năm trước và không đạt kế hoạch đề ra.

2. Kết quả SXKD 2018

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Kết quả
1	Doanh thu	240.000.000.000đ	201.822.660.537đ
2	Lợi nhuận trước thuế	2.250.000.000đ	1.964.881.847đ
3	Lợi nhuận sau thuế	1.800.000.000đ	1.487.530.274đ

3. Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

a. Kinh doanh thương mại (Phân phối sản phẩm thuốc lá)

Doanh thu thương mại liên tiếp trong nhiều năm chiếm tỷ trọng chính trong doanh thu toàn Công ty với duy nhất một mặt hàng kinh doanh là thuốc lá điều sản xuất trong nước, thương hiệu COTAB và ERA theo hình thức bao tiêu với Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn và giấy phép do Bộ Công thương trực tiếp cấp và quản lý. Là mặt hàng không thuộc diện được khuyến khích sản xuất và tiêu thu lại bị quản lý, điều tiết chặt của cơ quan quản lý nhà nước, thậm chí thông qua luật theo tiêu chí hạn chế cả sản xuất lẫn tiêu thụ. Sự tác động đến mức đột biến từ cơ quan quản lý đến đối tác cung cấp trong năm 2018 đã thực sự làm hoạt động kinh doanh thương mại của công ty chao đảo. Doanh thu tụt giảm sâu, kéo theo nhiều hệ lụy: kinh doanh toàn công ty bất ổn, lao động giảm, tâm lý người lao động nói chung bất an, lợi nhuận giảm. Từ chỗ là mũi nhọn, với thực trạng kinh doanh 2018, thương mại đã trở thành nỗi lo và điều tiếp theo có thể dự đoán trước: sẽ kết thúc vai trò trong 1 tương lai gần.

b. Kinh doanh lưu trú

Hiện Công ty đang khai thác mảng kinh doanh lưu trú tại 6 khách sạn từ đủ tiêu chuẩn đến 2 sao, trong đó 2 khách sạn đạt tiêu chuẩn 2 sao phân bố tại TP. Hồ Chí Minh trên những trục đường đặc địa, là Kỳ Đồng và Huỳnh Thúc Kháng, song do ít được đầu tư nâng cấp theo yêu cầu ngày càng cao của khách nên công suất buồng phòng dường như không được cải thiện. Trong số 4 đơn vị kinh doanh lưu trú trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thì Khách sạn Ga Sài Gòn tiếp tục duy trì kết quả tốt, ổn định. Đây cũng là đơn vị hiếm hoi thường xuyên duy tu, sửa chữa để duy trì chất lượng và năng lực kinh doanh. Hai đơn vị còn lại trên tuyến: Khách sạn Đường sắt Đà Lạt có dấu hiệu khởi sắc, sau nhiều năm đơn vị đã gần như cất lố vào mùa thấp điểm T9-T11. Khách sạn Cà Ná gần như chính thức chấm dứt lượng khách hàng thuê bao (các chuyên gia Trung Quốc), quay lại với đối tượng khách vắng lai nên công suất phòng thấp và doanh thu chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu của đơn vị.

c. Cho thuê tài sản

Công ty có 6 khối tài sản cho thuê gồm 2 khối tại Đà Lạt, 2 khối tại Nha Trang, cùng 2 phần khối tài sản tại TP.HCM. Đây là loại hình kinh doanh hiệu quả khi mang lại nguồn thu tương đối ổn định.

Trong bối cảnh kinh doanh thương mại đang hồi thoái trào thì việc đẩy mạnh cho thuê tài sản trên đất theo hướng tìm kiếm đối tác tiềm năng là rất cần thiết.

d. Vận tải hàng hóa

Truyền thống vận tải của Công ty là vận tải hàng bằng đường sắt với phương thức từ kho đến kho và từ nhà tới nhà. Chính tuyến: Sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng tàu của ngành đường sắt còn từ ga đến kho và ngược lại sử dụng phương tiện trung chuyển – xe tải nhẹ. Về nghiệp vụ, hình thức vận tải này đã thành nếp và trở thành thương hiệu của Công ty nhiều năm qua. Tuy nhiên, năm 2018 gặp nhiều khó khăn do áp lực cạnh tranh. Sự điều chỉnh tăng cước của ngành đường sắt, đặc biệt trong năm 2018 liên tục xảy ra các sự cố nghiêm trọng với tàu hàng nên ảnh hưởng nhiều tới kế hoạch kinh doanh của đơn vị lẫn tâm lý khách hàng. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh này đang được nhìn nhận nhiều rủi ro, bất ổn, hiệu quả thấp và phức tạp trong quản lý.

e. Kinh doanh ăn uống

Do đặc thù loại hình kinh doanh này, nên 2018, toàn Công ty chỉ còn 2 đơn vị trực tiếp kinh doanh ăn uống giải khát: Khách sạn Cà Ná và Trung tâm Dịch vụ và Thương mại Bình Triệu. Khách sạn Cà Ná với 2 nhà hàng, có vị trí đẹp, thực đơn phong phú, đa dạng..., nhân viên có nghề nên được nhiều công ty lựa chọn làm điểm dừng cho các tour du lịch về Nam Trung bộ: Khánh Hòa, Ninh Thuận. Thời điểm cuối tuần, ngày lễ, hè... khách sạn thường phục vụ hết công

suất. Đã nhiều năm, Khách sạn Cà Ná tạo được thương hiệu riêng có uy tín, đặc biệt là vì dịch vụ ăn uống. Những năm gần đây, Nhà hàng Cà Ná còn thu hút thêm 1 lượng lớn đối tượng tiềm năng – khách Nga và khách Trung Quốc. Doanh thu kinh doanh dịch vụ ăn uống chiếm tỷ trọng chính trong doanh thu của đơn vị. Trung tâm Dịch vụ và Thương mại Bình Triệu kinh doanh dịch vụ giải khát kèm ăn uống thuần túy – điểm tâm và ăn trưa bình dân: Hiện 2018 vẫn loay hoay với bài toán thua lỗ và vắng khách, đứng trước nguy cơ tạm ngưng do một thời gian dài kinh doanh không hiệu quả, chi phí cao, lao động thiếu ổn định, cơ sở vật chất xuống cấp.

e. Kinh doanh dịch vụ

Hiện Công ty vẫn duy trì loại hình kinh doanh dịch vụ truyền thống – massage sau khi chấm dứt kinh doanh dịch vụ Karaoke.

4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Do hạn chế về vốn, nên năm 2018 không có công trình đầu tư lớn. Mọi hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản tập trung chủ yếu vào công tác duy tu sửa chữa.

PHẦN III. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Kinh doanh thương mại rất khó khăn trong năm 2019 do sản lượng phân phối từ Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn rất thấp trong những tháng đầu năm. Tháng 05/2019 giấy phép kinh doanh phân phối thuốc lá của công ty đã hết hạn. Dù đã cố gắng, công ty vẫn không xin được giấy phép để tiếp tục kinh doanh phân phối sản phẩm thuốc lá điều nên việc kinh doanh thương mại đã ngừng từ 06/2019, do đó Công ty sẽ tập trung vào các ngành nghề khác.

Kinh doanh vận tải dự báo sẽ rất khó khăn trong năm 2019 công ty đặt ra mục tiêu nâng cao năng chất lượng dịch vụ nhằm vượt qua khó khăn để duy trì nghĩa vụ khoản nợ về công ty như năm 2018.

Lĩnh vực cho thuê tài sản sẽ được đẩy mạnh theo hướng tìm kiếm đối tác tiềm năng để xây dựng và khai thác cho thuê. Đây là lĩnh vực đem về doanh thu ổn định và cần được ưu tiên phát triển. Các dự án còn dở dang hoặc đang xin phép xây dựng sẽ được ưu tiên tìm kiếm đối tác để hoàn thiện hợp tác xây dựng và khai thác cho thuê.

Lĩnh vực lưu trú, nhà hàng ăn uống sẽ phát triển theo hướng trở thành chủ lực trong cơ cấu doanh thu của công ty vì vậy trong năm 2019 và trong những năm tới công ty sẽ thường xuyên có kế hoạch duy tu sửa chữa cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dịch vụ tại các đơn vị kinh doanh lưu trú nhà hàng ăn uống hiện hữu để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Trên đây là Báo cáo của TGD về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng thực hiện kế hoạch



Tôi xin chúc các quý vị CD sức khỏe và thành công.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Sau Kim Chi

C.T.C.P. HXH
MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị (HĐQT) trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019 về tình hình hoạt động SXKD, hoạt động của HĐQT trong năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 như sau:

I. Tình hình hoạt động SXKD

Năm 2018 là năm đạt doanh thu thấp nhất kể từ khi cổ phần hóa, là năm đầu tiên không tăng trưởng, với doanh thu 201.822.660.537đ, chỉ đạt 84% so với kế hoạch và chỉ bằng 20.31% doanh thu năm 2017. Tất cả các năm trước đây, doanh thu toàn Công ty phụ thuộc vào doanh thu hàng chuyển bán – kinh doanh thuốc lá điều sản xuất trong nước - với tỷ trọng tới 86%. Mũi nhọn kinh doanh này trong năm 2018 doanh thu chỉ đạt 150.711.845.959đ, bằng 16,32% so với cùng kỳ do nhà cung cấp cắt giảm mạnh sản lượng và thay đổi chính sách phân phối.

Về hiệu quả kinh doanh: Do có sự sụt giảm mạnh về doanh thu nên cả lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận trước thuế đều giảm so với 2017: Lợi nhuận trước thuế đạt 1.964.881.847đ, đạt 87,32% kế hoạch và 42,21% so với năm 2017; lợi nhuận sau thuế đạt 1.487.530.274đ, đạt 82,64% kế hoạch và 45,52% so với năm 2017.

II. Hoạt động của HĐQT

1. Cơ cấu HĐQT

HĐQT từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 gồm các thành viên:

- Bà Trần Thiên Kim;
- Bà Lưu Thị Lê;
- Bà Trương Ái Liễu;
- Bà Tăng Thị Minh Tân;
- Ông Trần Văn Đường (chấm dứt tư cách thành viên HĐQT ngày 29/7/2018);
- Ông Nguyễn Văn Đông (thành viên HĐQT từ ngày 27/11/2018).

2. Hoạt động của HĐQT

- a. Tham gia các phiên họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự	Ghi chú
1	Bà Trần Thiên Kim	19/19	100,00%	
2	Bà Lưu Thị Lê	19/19	100,00%	
3	Bà Trương Ái Liễu	18/19	94,74%	
4	Bà Tăng Thị Minh Tân	18/19	94,74%	
5	Ông Trần Văn Đường	09/10	90,00%	
6	Ông Nguyễn Văn Đông	02/02	100,00%	

b. Chi đạo triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018:

HĐQT đã thực hiện việc chi đạo, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban Điều hành (BDH) thông qua việc tham dự, góp ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của BDH, các cuộc họp giao ban định kỳ nhằm triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

c. Thực hiện chi trả thù lao, chi phí HĐQT năm 2018

- Thù lao thành viên HĐQT: Trong năm 2018, tổng thù lao cho chức danh thành viên HĐQT là 192.000.000đ, chi tiết từng thành viên như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	Ghi chú
1	Bà Trần Thiên Kim	60.000.000đ	
2	Ông Trần Văn Đường	21.000.000đ	
3	Bà Lưu Thị Lê	36.000.000đ	
4	Bà Tăng Thị Minh Tân	36.000.000đ	
5	Bà Trương Ái Liễu	36.000.000đ	
6	Ông Nguyễn Văn Đông	3.000.000đ	
	Cộng:	192.000.000đ	

- Lương cho việc kiêm nhiệm chức danh quản lý của thành viên HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh quản lý kiêm nhiệm	Tổng lương cả năm	Thưởng
1	Bà Trần Thiên Kim	Giám đốc (GD) Đầu tư	175.199.393đ	0đ
2	Ông Trần Văn Đường	Tổng giám đốc (TGD)	213.511.881đ	0đ
3	Bà Tăng Thị Minh Tân	GD Khối Nhân sự	228.811.575đ	0đ
	Cộng:		617.522.849đ	0đ

- Chi phí:

Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Do Công ty còn khó khăn về vốn kinh doanh, nên các thành viên HĐQT không tính chi phí với Công ty. Các thành viên HĐQT tự trang trải các khoản chi phí cho hoạt động liên quan tới phần công việc của mình.

d. Các công tác khác:

- Xây dựng kế hoạch SXKD trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2018;
- Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường năm 2018;
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD thông qua việc tham dự cuộc họp của BDH, các cuộc họp giao ban công tác định kỳ.

3. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT

STT	Phiên họp ngày	Nội dung quyết định được thông qua
1	30/01/2018	- Tiền ăn giữa ca của BDH. - Thông qua tiền ăn giữa ca của các trưởng phòng, GD chi nhánh.
2	09/02/2018	Thông qua việc bà Trương Ái Liễu rút tiền từ khoản tiền cho Công ty vay
3	12/03/2018	- Xử lý chi phí dự án “Công trình Khách sạn Đường sắt Nha Trang và Nhà sách PNC Nha Trang. - Thông qua việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh Khách sạn Đường sắt Nha Trang
4	19/03/2018	Triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
5	29/03/2018	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 để trình ĐHĐCĐ
6	06/04/2018	Chấp thuận giao dịch rút tiền đang cho Công ty vay của ông Nguyễn Thanh Minh, Trưởng P.Quản lý xây dựng và tài sản.
7	13/04/2018	- Nội dung (dự kiến) họp ĐHĐCĐ thường niên 2018.

		<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tài liệu ĐHCĐ thường niên 2018. - Mức phụ cấp hiệu quả công việc Q.1-2018. - Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Trưởng P. Hành chính và Trưởng B. Thanh tra Pháp chế. - Thông qua hợp đồng mua bán thuốc lá bao năm 2018.
8	25/06/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua giao dịch rút tiền đang cho Công ty vay của ông Nguyễn Thanh Minh, Trưởng P.Quản lý xây dựng và tài sản. - Điều chỉnh lương cơ bản của một số GD chi nhánh theo đề xuất của TGD. - Sử dụng quỹ phúc lợi.
9	12/07/2018	Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán xây dựng
10	16/07/2018	Vay vốn Agribank chi nhánh TP.HCM
11	30/07/2018	Cử ông Trần Hiền Phước tạm thời làm TGD
12	24/08/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Lương, phụ cấp trách nhiệm của TGD. - Hệ số hiệu quả công việc Q.2-2018. - Thuê kho của Công ty Kho bãi TP.HCM
13	28/08/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm ông Trần Hiền Phước làm TGD. - Tiền ăn giữa ca của BDH. - Thông qua tiền ăn giữa ca của các trưởng phòng.
14	04/10/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn nhiệm chức danh GD Đầu tư của bà Trần Thiên Kim. - Miễn nhiệm chức danh TGD của ông Trần Hiền Phước. - Bổ nhiệm bà San Kim Chi làm TGD. - Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Trưởng P.

		Nghiệp vụ kinh doanh theo đề xuất của TGD.
15	10/10/2018	Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2018
16	05/11/2018	Thông qua việc nộp tiền đảm bảo nợ phải thu quá hạn của bà Lê Mỹ Dung
17	12/11/2018	- Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường 2018. - Thông qua hệ số hiệu quả công việc Q.3-2018 của GD chi nhánh theo đề xuất của TGD.
18	26/12/2018	- Hệ số hiệu quả công việc Q.3, Q.4-2018 và năm 2018 của BDH. - Thông qua hệ số hiệu quả công việc Q.4-2018, năm 2018 của Trưởng phòng, GD chi nhánh theo đề xuất của TGD. - Thông qua việc rút tiền từ khoản tiền cho công ty vay của bà Tăng Thị Minh Tân.
19	29/12/2018	- Thông qua việc thay đổi Giám đốc Khách sạn Đường sắt Đà Lạt theo đề xuất của TGD. - Chấp thuận ký hợp đồng thuê dịch vụ lưu trú năm 2019 giữa Công ty với Đoàn tiếp viên Đường sắt Hà Nội.

4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với TGD và các cán bộ quản lý khác

Hàng tháng TGD đều tiến hành họp BDH và họp giao ban. HĐQT tham dự cuộc họp để nắm bắt tình hình thực hiện chủ trương, chỉ đạo của HĐQT và TGD, tình hình sản xuất kinh doanh trong tháng và kế hoạch kinh doanh của tháng tiếp theo.

Năm 2018 là một năm khó khăn, TGD và các cán bộ quản lý khác đã nỗ lực để giữ Công ty bình ổn và hạn chế tối đa những tổn thất.

PHẦN III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG THỜI GIAN TỚI

Trong bối cảnh kinh doanh thương mại đang gặp bất lợi lớn, Công ty tập trung đầu tư, khai thác, kinh doanh có hiệu quả sớm, đưa các hoạt động kinh doanh dịch vụ, lưu trú, cho thuê tài sản trên đất trở thành mũi nhọn thực thụ, sớm đưa hoạt động kinh doanh vận tải trở lại quỹ đạo an toàn, có hiệu quả, đồng thời



chuẩn bị tốt nhất mọi điều kiện để kịp thời ứng phó những biến động, khó khăn cùng diễn biến bất thường trong thời gian tới.

Trong năm 2019, HĐQT đề nghị các mức chỉ tiêu kế hoạch như sau:

1. Kế hoạch SXKD:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Ghi chú
1	Doanh thu	64.000.000.000đ	
2	Lợi nhuận trước thuế	700.000.000đ	
3	Lợi nhuận sau thuế	560.000.000đ	

2. Kế hoạch đầu tư, sửa chữa:

Stt	Danh mục	Kinh phí	Ghi chú
1	Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị cho Biệt thự 7, Biệt thự 9 Khách sạn Đường sắt Đà Lạt	223.000.000đ	
2	Sửa chữa và cơi nới khu vực nhà vệ sinh Nhà hàng Cà Ná Quán – Khách sạn Cà Ná.	350.000.000đ	

Thay mặt HĐQT, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn tới các quý vị CĐ đã ủng hộ HĐQT trong năm qua. Chúng tôi sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình vì sự phát triển của Công ty.

Thay mặt HĐQT, tôi xin chúc các quý vị CĐ sức khỏe và thành công.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Trần Thiên Kim





CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 4013003015 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Căn cứ Luật chứng khoán, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa.

1. HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1.1 Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) Công ty gồm ba thành viên:

Bà Huỳnh Thị Đào (Trưởng ban)

Bà Lữ Thị Tiến (Thành viên)

Ông Lê Nguyễn Thanh Tuấn (Thành viên)

Trong năm 2018, BKS đã thực hiện công việc theo nhiệm vụ và quyền hạn đã được Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định. Các công việc:

- Tham gia một số cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban điều hành (BDH);
- Kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp, hợp lý trong việc lập Báo cáo tài chính định kỳ, xem xét Báo cáo kiểm toán của Công ty;
- Giám sát việc thực thi nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ);
- Kiểm tra, giám sát việc thực thi nghị quyết, quyết định của HĐQT, BDH Công ty.

Các cuộc họp của BKS:

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả
1	12/04/2018	Thảo luận, thống nhất nội dung Báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2018; Trình ĐHĐCĐ đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018	Các thành viên BKS đã tham dự đầy đủ và thống nhất các nội dung.
2	15/11/2018	Kế hoạch kiểm tra tình hình kinh doanh, tài chính, kế toán các chi nhánh trực thuộc Công ty 9 tháng đầu năm 2018; Thống nhất nội dung giải trình văn bản ngày 12/9/2018 của cổ đông Nguyễn Bá Linh tại ĐHĐCĐ bất thường ngày 27/11/2018.	Các thành viên BKS đã tham dự đầy đủ và thống nhất các nội dung.

1.2 Lương và thù lao của Ban kiểm soát

Lương chuyên trách BKS năm 2018: 94.500.000 đồng

Thù lao BKS năm 2018: 48.000.000 đồng

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

2.1 Tình hình hoạt động của Công ty

- Năm 2018, Công ty gặp nhiều biến cố trong hoạt động kinh doanh: Mạng kinh doanh thuốc lá mang lại doanh thu lớn cho Công ty bị cắt giảm mạnh do Công ty không còn độc quyền phân phối thuốc lá nhãn hiệu Cotab nữa; Kinh doanh du lịch bằng tàu lửa từng làm nên thương hiệu “du lịch đường sắt” cho Công ty cũng không còn khai thác được tốt; Mạng kinh doanh vận tải mà chủ yếu là vận tải bằng đường sắt trong năm cũng gặp nhiều khó khăn do áp lực cạnh tranh và trong năm ngành đường sắt gặp nhiều sự cố tàu hàng ảnh hưởng đến việc vận chuyển hàng của Công ty; Mạng kinh doanh dịch vụ lưu trú chỉ ở giữ mức ổn định nhưng về lâu dài chưa thể tăng trưởng được do cơ sở vật chất xuống cấp chưa được đầu tư duy tu sửa chữa đúng mức; Mạng dịch vụ ăn uống và cho thuê bất động duy trì được mức tăng trưởng.

2.2 Tình hình tài chính của Công ty

BKS đã xem xét Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty và xem xét Báo cáo kiểm toán do công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán. BKS thống nhất số liệu Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán.

a/ Kết quả kinh doanh năm 2018:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018 (đồng)	Thực hiện 2017 (làm tròn số) (đồng)	Thực hiện 2018 (làm tròn số) (đồng)	Thực hiện 2018/ kế hoạch 2018 (%)	Thực hiện 2018/ thực hiện 2017 (%)
Doanh thu	240.000.000.000	993.339.000.000	201.822.000.000	84,09	20,32
Lợi nhuận trước thuế	2.250.000.000	4.654.000.000	1.965.000.000	87,33	42,22
Lợi nhuận sau thuế	1.800.000.000	3.268.000.000	1.488.000.000	82,64	45,52

Doanh thu toàn Công ty năm 2018 giảm mạnh so với năm 2017 và không đạt được kế hoạch đề ra. Cụ thể doanh thu toàn Công ty năm 2018 bằng 84,09% so với kế hoạch và bằng 20,32% so với thực hiện năm 2017. Doanh thu của một số lĩnh vực sụt giảm mạnh là doanh thu bán hàng thuốc lá bằng 16,33%, dịch vụ massage bằng 26,15%, du lịch bằng 10,5% so với năm 2017. Một số lĩnh vực khác duy trì được đà tăng trưởng: Doanh thu hoạt động nhà hàng bằng 112,71%, doanh thu cho thuê bất động sản bằng 129,88%, doanh thu dịch vụ khách sạn bằng 100,28% so với năm 2017.

b/ Một số chỉ số tài chính

Các chỉ số	Năm 2017	Năm 2018
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,1	4,1
Vòng quay các khoản phải thu (vòng)	9,3	10,2
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	25,1	59
Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (%)	7,9	5,23
Tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần (giá trị sổ sách) (%)	19	8,65

Nhìn chung các chỉ số tài chính: Chỉ số thanh toán hiện hành, vòng quay các khoản phải thu, vòng quay hàng tồn kho năm 2018 đều tốt hơn so với năm 2017. Tuy nhiên các chỉ tiêu về tỷ suất sinh lợi đều giảm. Doanh thu sụt giảm mạnh trong khi một số chi phí cố định vẫn phải chi để duy trì hoạt động của Công ty đã làm cho lợi nhuận của Công ty giảm sâu. Tổng tài sản của Công ty trong năm 2018 biến động mạnh (giảm 54,87%) so với năm 2017. Nguyên nhân là do từ đầu năm 2018, Công ty không còn độc quyền phân phối sản phẩm thuốc lá Cotab nên các khoản nợ phải thu từ hoạt động này đã giảm và hầu như trong năm Công ty không có tồn kho mặt hàng này, trong khi đó qua các năm trong quá khứ sản phẩm thuốc lá là mặt hàng tồn kho chiếm tỷ trọng cao về giá trị (năm 2016 là 99,13 %, năm 2017 là 96,31%) trong tổng giá trị tồn kho của Công ty.

3. KẾT QUẢ GIÁM SÁT VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH

HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ và đột xuất đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.

HĐQT Công ty đã triển khai, thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ. HĐQT đã ban hành các quyết định liên quan đến công tác sản xuất kinh doanh, quản lý nhân sự.

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và kịp thời hỗ trợ BĐH trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

BĐH Công ty đã triển khai thực hiện các quyết định của HĐQT kịp thời.

4. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

Lịch trình kiểm tra được BKS gửi đến BĐH, phụ trách các chi nhánh để tiện sắp xếp trong công việc. Kết thúc kiểm tra biên bản làm việc được BKS gửi đến BĐH Công ty, Đơn vị được kiểm tra, nêu rõ những góp ý của BKS.

BKS tham gia một số cuộc họp thường kỳ, đột xuất của BĐH, HĐQT để kịp thời nắm bắt được việc chuyển khai các kế hoạch và tình hình hoạt động của Công ty.

Thành viên BKS đã nhận được đầy đủ các nghị quyết, quyết định của HĐQT, BĐH; các tài liệu về tình hình hoạt động, tài chính của Công ty.

Trên đây là nội dung báo cáo của BKS trước Đại hội.

Kính chúc đại hội thành công tốt đẹp!

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng BKS



Huỳnh Thị Đào

Nơi nhận:

- HĐQT
- BKS
- Cổ đông
- Lưu.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỔNG HỢP**
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÀI GÒN HÒA XÁ**

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước - Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Sài Gòn theo Quyết định số 990/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300481625, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 26 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 38 367 660
- Fax : (84-28) 38 369 031

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Khách sạn Hải Vân	69 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Khách sạn Kỳ Đồng	10D Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Du lịch Đường sắt Sài Gòn	10D Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ và Kinh doanh Địa ốc	51 Đường 20, Khu phố 4, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Khách sạn Ga Sài Gòn	01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Khách sạn Đường sắt Nha Trang	17 Thái Nguyên, Phường Phước Tân, TP. Nha Trang
Khách sạn Cà Ná	Quốc lộ 1 A, Thôn Lạc Sơn 1, Xã Cà Ná, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận
Khách sạn Đường sắt Đà Lạt	01 Quang Trung, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Trung tâm Dịch vụ Thương mại	20/6 Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Nhà hàng Khách sạn Hưng Triệu	146/33 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa xa Sài Gòn	01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ và Thương mại Bình Triệu	310/4B Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Sản xuất giống thủy sản. Chi tiết: Nuôi thủy sản;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ (trừ chế biến gỗ);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim; vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyển doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất công nghiệp-nông nghiệp và tiêu dùng, rượu bia, nước giải khát;



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở);
- Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc. Chi tiết: Dịch vụ karaoke (không kinh doanh tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Chế biến nông sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và thiết bị xây dựng công trình- xếp dỡ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông sản, lâm sản, thủy sản;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo. Chi tiết: Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hóa mỹ phẩm, hàng công nghệ phẩm, thực phẩm chế biến;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường sắt;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục nghề nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở);
- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc cá nhân và dịch vụ chăm sóc cá nhân khác: dịch vụ xoa bóp (không kinh doanh tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây cháy máu);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng. Cho thuê nhà, xưởng. Kinh doanh bất động sản;
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Trần Thiên Kim	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2016
Ông Trần Văn Đường	Thành viên	Mất tư cách ngày 29 tháng 7 năm 2018
Bà Lưu Thị Lê	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2015
Bà Tăng Thị Minh Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2015
Bà Trương Ái Liễu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Đông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Huỳnh Thị Đào	Trưởng ban	Ngày 01 tháng 7 năm 2015
Bà Lê Thị Tiên	Thành viên	Ngày 14 tháng 5 năm 2015
Lê Nguyễn Thanh Tuấn	Thành viên	Ngày 14 tháng 5 năm 2015



Tổng Giám đốc

Họ và tên	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Trần Văn Đường	Mất tư cách ngày 29 tháng 7 năm 2018
Ông Trần Hiền Phước	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2018
	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2018
Bà San Kim Chi	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trần Thiên Kim - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2016).

Bà Trần Thiên Kim đã ủy quyền cho Bà San Kim Chi - Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Giấy ủy quyền số 16/UQ-HĐQT ngày 01 tháng 3 năm 2019.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trần Thiên Kim
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 30 tháng 3 năm 2019



Số: 1.0804/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Phước Hồng Hạnh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2058-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.086.615.662	126.192.321.047
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.368.435.423	13.786.100.959
1. Tiền	111		6.368.435.423	13.786.100.959
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.484.496.007	106.412.640.553
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	37.185.651.389	106.872.406.956
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3a	556.157.980	229.252.980
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	64.208.421	210.827.021
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(321.521.783)	(899.846.404)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		167.118.576	5.908.291.388
1. Hàng tồn kho	141	V.6	167.118.576	5.908.291.388
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		66.565.656	85.288.147
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	42.820.000	45.067.879
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	23.745.656	40.220.268
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

0044
CÔNG
NHỆ
TOÁN
A &
H.T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.833.916.868	28.737.851.880
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		981.494.865	1.004.603.665
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.3b	30.000.000	30.000.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	951.494.865	974.603.665
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		12.840.228.872	14.711.074.925
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	12.840.228.872	14.711.074.925
- Nguyên giá	222		45.075.483.265	45.036.472.356
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.235.254.393)	(30.325.397.431)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		252.023.800	252.023.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(252.023.800)	(252.023.800)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	1.443.551.554	1.738.399.954
- Nguyên giá	231		4.857.009.067	4.857.009.067
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.413.457.513)	(3.118.609.113)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.286.206.804	2.286.206.804
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	2.286.206.804	2.286.206.804
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.903.673.555	1.903.673.555
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	1.903.673.555	1.903.673.555
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.378.761.218	7.093.892.977
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	6.378.761.218	7.093.892.977
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		69.920.532.530	154.930.172.927

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		40.300.459.158	126.336.439.829
I. Nợ ngắn hạn	310		10.717.452.636	111.793.845.947
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a,c	4.003.130.037	2.101.699.821
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.670.140	10.018.227
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	839.811.612	3.338.470.135
4. Phải trả người lao động	314	V.14	780.000.000	71.323.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	187.911.052	566.468.240
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	4.250.000.000	105.254.100.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	654.929.795	451.766.524
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		29.583.006.522	14.542.593.882
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	82.610.000	82.610.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	884.056.522	1.142.776.522
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	24.851.300.000	880.007.360
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	3.765.040.000	12.437.200.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.620.073.372	28.593.733.098
I. Vốn chủ sở hữu	410		29.620.073.372	28.593.733.098
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	17.200.000.000	17.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		17.200.000.000	17.200.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	10.932.543.098	8.099.508.599
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	1.487.530.274	3.294.224.499
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	3.294.224.499
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.487.530.274	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		69.920.532.530	154.930.172.927

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2019


Lương Ngọc Liên
Người lập


Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởng


Sơn Kim Chi
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	201.822.660.537	993.339.503.111
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		201.822.660.537	993.339.503.111
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	179.075.693.235	957.602.798.526
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.746.967.302	35.736.704.585
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	38.401.144	42.392.398
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.917.895.516	9.987.629.000
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.917.895.516	9.987.473.899
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.224.343.846	12.391.828.461
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.151.700.174	11.780.421.354
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.508.571.090)	1.619.218.168
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.548.108.074	3.725.372.686
12. Chi phí khác	32	VI.8	74.655.137	690.010.248
13. Lợi nhuận khác	40		3.473.452.937	3.035.362.438
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.964.881.847	4.654.580.606
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	477.351.573	1.386.976.466
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.487.530.274	3.267.604.140
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	865	1.632
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	865	1.632



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Lương Ngọc Liên
Người lập

Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởngSan Kim Chi
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		296.391.919.494	1.082.867.418.036
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(187.665.929.973)	(1.025.274.741.398)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.736.551.818)	(17.666.325.134)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.854.075.506)	(9.874.702.609)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	(701.575.920)	(1.351.209.559)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		30.040.730.602	7.837.520.962
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.026.031.809)	(25.400.000.324)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		102.448.485.070	11.137.939.974
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, VII	(228.291.750)	(889.247.450)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	61.600.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	38.401.144	42.294.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(189.890.606)	(785.352.803)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	160.694.750.000	907.945.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(270.371.010.000)	(930.194.860.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(109.676.260.000)	(22.249.860.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(7.417.665.536)	(11.897.252.829)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	13.786.100.959	25.683.411.138
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(57.350)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	6.368.435.423	13.786.100.959

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2019



Lương Ngọc Liên
Người lập



Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởng



Sơn Kim Chi
Tổng Giám đốc

1498
IG 1
EM H
Y VÀ
& I
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước, kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vận tải và dịch vụ du lịch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty

Doanh thu năm nay của Công ty giảm đáng kể so với năm trước chủ yếu là do Trung tâm Dịch vụ Thương mại không còn là đại lý độc quyền bao tiêu thuốc lá cho nhà cung cấp nữa.

6. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Khách sạn Hải Vân	69 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Khách sạn Kỳ Đồng	10D Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Du lịch Đường sắt Sài Gòn	10D Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ và Kinh doanh địa ốc	51 Đường 20, Khu phố 4, Phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Khách sạn Ga Sài Gòn	01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Khách sạn Đường sắt Nha Trang	17 Thái Nguyên, Phường Phước Tân, TP. Nha Trang
Khách sạn Cà Ná	Quốc lộ 1 A, Thôn Lạc Sơn 1, Xã Cà Ná, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận
Khách sạn Đường sắt Đà Lạt	01 Quang Trung, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Trung tâm Dịch vụ Thương mại	20/6 Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Nhà hàng Khách sạn Hưng Triệu	146/33 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa xa Sài Gòn	01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ và Thương mại Bình Triệu	310/4B Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 133 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 184 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm nguyên vật liệu và hàng hóa.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí đền bù. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí đền bù

Chi phí đền bù thể hiện khoản tiền đã trả để có được phần đất Công ty đang sử dụng và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng đất (50 năm).

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 28
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

04
ÔN
NH
CÁ
T

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà thuộc sở hữu của Công ty. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà	11 - 25

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.021.574.245	2.924.686.570
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.346.861.178	10.861.414.389
Cộng	<u>6.368.435.423</u>	<u>13.786.100.959</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Thanh Tâm	8.853.621.461	21.532.366.907
DNTN Tiến Đạt	15.999.999.000	27.433.279.152
Công ty TNHH MTV Kim Hường	8.965.835.811	12.329.914.856
Các khách hàng khác	3.366.195.117	45.576.846.041
Cộng	<u>37.185.651.389</u>	<u>106.872.406.956</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn

3a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Việt Mỹ	71.052.980	71.052.980
Trung tâm Khoa học Công nghệ và Kỹ thuật Xây dựng	214.200.000	79.200.000
Công ty Cổ phần ACE Sài Gòn	214.200.000	-
Các nhà cung cấp khác	56.705.000	79.000.000
Cộng	<u>556.157.980</u>	<u>229.252.980</u>

3b. Trả trước cho người bán dài hạn

Chi nhánh Văn phòng Luật sư Trần Vũ Hải.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	17.500.000	-	20.000.000	-
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	650.000	-	650.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	46.058.421	-	190.177.021	-
Cộng	64.208.421	-	210.827.021	-

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	773.527.200	-	770.764.000	-
Thuế GTGT tạm nộp cho hoạt động cho thuê đất	88.405.652	-	114.277.652	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	89.562.013	-	89.562.013	-
Cộng	951.494.865	-	974.603.665	-

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Thương mại Lâm Kim Ngọc						
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>		-	-	Trên 03 năm	540.324.621	-
DNTN Long An						
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Trên 03 năm	42.509.024	-	Trên 03 năm	42.509.024	-
Ông Phạm Đức Minh.						
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Trên 03 năm	279.012.759	-	Trên 03 năm	317.012.759	-
Cộng		321.521.783	-		899.846.404	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	899.846.404	1.119.892.000
Hoàn nhập dự phòng	(578.324.621)	(220.045.596)
Số cuối năm	321.521.783	899.846.404

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	117.752.770	-	152.355.221	-
Hàng hóa	49.365.806	-	5.755.936.167	-
Cộng	167.118.576	-	5.908.291.388	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	10.100.000	2.587.879
Chi phí bảo hiểm	24.720.000	42.480.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.000.000	-
Cộng	42.820.000	45.067.879

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đền bù	5.555.397.700	5.679.771.700
Công cụ, dụng cụ	464.921.255	936.907.101
Chi phí sửa chữa	354.842.265	474.814.176
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.599.998	2.400.000
Cộng	6.378.761.218	7.093.892.977

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	40.716.196.545	1.118.394.980	2.974.521.870	227.358.961	45.036.472.356
Mua trong năm	39.010.909	-	-	-	39.010.909
Phân loại lại	(186.947.020)	186.947.020	-	-	-
Số cuối năm	40.568.260.434	1.305.342.000	2.974.521.870	227.358.961	45.075.483.265
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	18.670.502.099	701.713.162	2.974.521.870	188.458.961	22.535.196.092
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	26.351.983.019	827.173.162	2.946.782.289	199.458.961	30.325.397.431
Khấu hao trong năm	1.737.277.381	131.640.000	27.739.581	13.200.000	1.909.856.962
Phân loại lại	(28.000.000)	28.000.000	-	-	-
Số cuối năm	28.061.260.400	986.813.162	2.974.521.870	212.658.961	32.235.254.393
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	14.364.213.526	291.221.818	27.739.581	27.900.000	14.711.074.925
Số cuối năm	12.507.000.034	318.528.838	-	14.700.000	12.840.228.872
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	4.857.009.067	3.118.609.113	1.738.399.954
Khấu hao trong năm		294.848.400	
Số cuối năm	4.857.009.067	3.413.457.513	1.443.551.554

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Hội trường - Khách sạn Đà Lạt	82.383.592	82.383.592	-
Biệt thự số 09 B - Khách sạn Đà Lạt	190.825.451	176.308.000	14.517.451
Nhà hàng Thăng Cảnh - Khách sạn Đà Lạt	325.291.491	325.291.491	-
Nhà dịch vụ 9C - Khách sạn Đà Lạt	719.697.811	259.951.455	459.746.356
Biệt thự số 11 - Khách sạn Đà Lạt	330.322.975	330.322.975	-
Nhà sách Phương Nam - Nha Trang	2.920.487.747	2.116.800.000	803.687.747
Quán Hello Coffee - Nha Trang	288.000.000	122.400.000	165.600.000
Cộng	4.857.009.067	3.413.457.513	1.443.551.554

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công trình Khách sạn, Nhà hàng Bình Triệu	2.144.898.622	2.144.898.622
Chi phí khác	141.308.182	141.308.182
Cộng	2.286.206.804	2.286.206.804

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hải Vân Nam.

12. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Thạch Thủy	1.727.880.000	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Đường sắt Bắc Nam	453.420.000	-
Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải và Thương mại Đường sắt Phía Nam	606.070.000	606.070.000
Công ty TNHH Thương mại Tân Hiệp	384.415.271	380.597.830
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ H.P.C	150.590.000	493.735.000
Các nhà cung cấp khác	680.754.766	621.296.991
Cộng	4.003.130.037	2.101.699.821

12b. Phải trả người bán dài hạn

Khoản phải trả dài hạn Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Việt Tin Thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hàng hải và Đầu tư Công nghiệp Vinashin	25.000.000	25.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dạy nghề Trung Nam Việt	12.024.285	12.024.285
Công ty Cổ phần Thương mại và Hàng hải Hà Nội	200.500.000	200.500.000
Công ty TNHH Vận tải biển Vinafco	50.400.000	50.400.000
Công ty TNHH Thương mại Cơ khí Tân Thanh	27.341.500	27.341.500
Công ty TNHH Nội thất Tây Cửu Long	45.125.200	45.125.200
Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải và Thương mại Đường sắt phía Nam	606.070.000	606.070.000
Công ty Cổ phần Vận tải Quốc tế Vĩnh Lộc Phát	77.327.360	77.327.360
Khách vãng lai	1.031.069	1.031.069
Cộng	<u>1.044.819.414</u>	<u>1.044.819.414</u>

Các khoản nợ này liên quan đến vụ kiện tranh chấp nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động của ông Lê Hạnh, Giám đốc trước đây của Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa xa Sài Gòn.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.155.427.050	-	3.843.642.930	(5.698.911.584)	300.158.396	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	165.879.376	-	977.210.823	(1.078.434.788)	64.655.411	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	509.375.920	3.180.088	477.351.573	(701.575.920)	285.151.573	3.180.088
Thuế thu nhập cá nhân	149.961.534	-	171.662.173	(262.512.407)	59.111.300	-
Thuế nhà đất	-	37.040.180	31.936.779	(15.462.167)	-	20.565.568
Tiền thuế đất	357.826.255	-	3.602.561.049	(3.829.652.372)	130.734.932	-
Các loại thuế khác	-	-	15.000.000	(15.000.000)	-	-
Cộng	<u>3.338.470.135</u>	<u>40.220.268</u>	<u>9.119.365.327</u>	<u>(11.601.549.238)</u>	<u>839.811.612</u>	<u>23.745.656</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh măt xa với thuế suất 30%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.964.881.847	4.654.580.606
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	421.876.018	2.167.396.743
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(97.751)
Thu nhập tính thuế	2.386.757.865	6.821.879.598
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	477.351.573	1.364.375.920
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	22.600.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	477.351.573	1.386.976.466

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>VND/m²</u>
- 69 Huỳnh Thúc Kháng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	2.240.000
- 10 D Kỳ Đồng, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	1.478.400
- 01 Nguyễn Thông, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	1.126.400
- 310/4B Quốc lộ 13, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	86.400
- 146/33 Kha Vượng Cân, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	84.995
- 51 Đường 20, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	36.720
- Quốc lộ 1A, Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	96.600
- Khách sạn Cà Ná - Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận	2.200
- Nhà hàng Cà Ná quán - Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận	2.200
- 01 Quang Trung, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	34.208
- 17 Thái Nguyên, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	112.500
- 132 Lê Duẩn, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	618.764
- 132 Lê Duẩn, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	190.791
- 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	2.252.800

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Lương và thưởng năm 2018 còn phải trả cho nhân viên.

001
CÔP
1 NH
TOÁI
A
17-7

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền tạm mượn các cá nhân	140.000.000	520.000.000
Chi phí lãi vay	31.739.100	30.493.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	16.171.952	15.975.240
Cộng	<u>187.911.052</u>	<u>566.468.240</u>

15b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền đảm bảo nợ phải thu quá hạn	23.500.000.000	
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.351.300.000	830.007.360
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	50.000.000
Cộng	<u>24.851.300.000</u>	<u>880.007.360</u>

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**16a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	2.600.000.000	2.600.000.000
Vay các thành viên Hội đồng quản trị và các cá nhân liên quan khác	2.600.000.000	2.600.000.000
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.650.000.000	102.654.100.000
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	-	80.116.000.000
Vay cá nhân khác	1.650.000.000	22.538.100.000
Cộng	<u>4.250.000.000</u>	<u>105.254.100.000</u>

Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân để bổ sung vốn lưu động và vốn khác với lãi suất thỏa thuận 0,71%/tháng. Các khoản nợ vay này được gia hạn khi đáo hạn trừ có những thỏa thuận khác phát sinh.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết phát sinh của các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	80.116.000.000	132.651.750.000	(212.767.750.000)	-
Vay ngắn hạn cá nhân	25.138.100.000	28.043.000.000	(48.931.100.000)	4.250.000.000
Cộng	<u>105.254.100.000</u>	<u>160.694.750.000</u>	<u>(261.698.850.000)</u>	<u>4.250.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay các thành viên Hội đồng quản trị và các cá nhân liên quan khác	3.580.000.000	9.230.000.000
Vay các tổ chức khác và các cá nhân khác	185.040.000	3.207.200.000
Cộng	<u>3.765.040.000</u>	<u>12.437.200.000</u>

Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân và tổ chức khác để bổ sung vốn lưu động và vốn khác với lãi suất thỏa thuận 0,71%/tháng, thời hạn vay 60 tháng. Các khoản nợ vay này được gia hạn khi đáo hạn trừ có những thỏa thuận khác phát sinh.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	-	-
Trên 01 năm đến 05 năm	3.765.040.000	12.437.200.000
Trên 05 năm	-	-
Cộng	<u>3.765.040.000</u>	<u>12.437.200.000</u>

Chi tiết phát sinh của các khoản vay trong năm dài hạn như sau:

Số đầu năm	12.437.200.000
Số tiền vay đã trả	(8.650.200.000)
Cán trừ tiền cho thuê tài sản	(21.960.000)
Số cuối năm	<u>3.765.040.000</u>

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích quỹ trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	211.935.224	230.595.000	(50.821.619)	391.708.605
Quỹ phúc lợi	239.006.300	230.595.000	(207.205.110)	262.396.190
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	825.000	-	-	825.000
Cộng	<u>451.766.524</u>	<u>461.190.000</u>	<u>(258.026.729)</u>	<u>654.929.795</u>

18. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Khoản tiền thuê tài sản nhận trước của Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	17.200.000.000	6.089.074.999	2.364.333.847	25.653.408.846
Lợi nhuận trong năm	-	-	3.267.604.140	3.267.604.140
Trích lập các quỹ trong năm	-	2.010.433.600	(2.337.713.488)	(327.279.888)
Số dư cuối năm trước	17.200.000.000	8.099.508.599	3.294.224.499	28.593.733.098
Số dư đầu năm nay	17.200.000.000	8.099.508.599	3.294.224.499	28.593.733.098
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.487.530.274	1.487.530.274
Trích lập các quỹ trong năm	-	2.833.034.499	(3.294.224.499)	(461.190.000)
Số dư cuối năm nay	17.200.000.000	10.932.543.098	1.487.530.274	29.620.073.372

19b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.720.000	1.720.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.720.000	1.720.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.720.000	1.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.720.000	1.720.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.720.000	1.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 27 tháng 4 năm 2018 như sau:

	VND
• Trích Quỹ đầu tư phát triển :	2.833.034.499
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi :	461.190.000

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Tổng số tiền thuế tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	3.142.622.126	3.358.007.038
Trên 01 năm đến 05 năm	12.034.624.754	13.088.685.096
Trên 05 năm	86.482.258.392	90.006.016.910
Cộng	101.659.505.272	106.452.709.044

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên là tiền thuê đất của các hợp đồng thuê đất nêu trên được tính theo đơn giá thuê đang áp dụng cho năm 2018 và có thể thay đổi hoặc điều chỉnh trong tương lai theo chính sách của Nhà nước.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	162.688.334.938	938.221.434.611
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.679.406.231	52.457.927.136
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư ⁽ⁱ⁾	3.454.919.368	2.660.141.364
Cộng	<u>201.822.660.537</u>	<u>993.339.503.111</u>

⁽ⁱ⁾ Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư	3.454.919.368	2.660.141.364
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	294.848.400	302.952.891
Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư	<u>3.160.070.968</u>	<u>2.357.188.473</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	148.694.451.903	909.468.842.438
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	30.086.392.932	47.831.003.197
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	294.848.400	302.952.891
Cộng	<u>179.075.693.235</u>	<u>957.602.798.526</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	38.147.177	42.294.647
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	97.751
Lãi bán ngoại tệ	253.967	-
Cộng	<u>38.401.144</u>	<u>42.392.398</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.917.895.516	9.987.473.899
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	155.101
Cộng	<u>3.917.895.516</u>	<u>9.987.629.000</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.915.950.848	6.595.465.854
Chi phí vật liệu, bao bì	90.406.419	150.327.765
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	772.562.288	717.265.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.077.982.381	963.153.927
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.192.898.803	2.815.562.792
Các chi phí khác	174.543.107	1.150.052.590
Cộng	<u>9.224.343.846</u>	<u>12.391.828.461</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.064.681.491	5.093.120.211
Chi phí vật liệu quản lý	135.426.797	107.209.976
Chi phí đồ dùng văn phòng	307.671.310	175.171.354
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.696.000	55.496.000
Thuế, phí và lệ phí	3.639.675.828	3.853.297.406
Dự phòng/ (Hoàn nhập) phải thu khó đòi	(578.324.621)	(220.045.596)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.072.023.900	636.040.847
Các chi phí khác	1.452.849.469	2.080.131.156
Cộng	<u>11.151.700.174</u>	<u>11.780.421.354</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	56.000.000
Thu nhập từ tiền hỗ trợ	12.000.000	472.000.000
Thu nhập khác	3.536.108.074	3.197.372.686
Cộng	<u>3.548.108.074</u>	<u>3.725.372.686</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	28.565.425	25.464.481
Chi phí phạt vi phạm hành chính	700.000	34.300.000
Chi phí khác	45.389.712	630.245.767
Cộng	<u>74.655.137</u>	<u>690.010.248</u>

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.487.530.274	3.267.604.140
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(461.190.000)
Trích thường Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.487.530.274	2.806.414.140
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	1.720.000	1.720.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>865</u>	<u>1.632</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.900 VND xuống còn 1.632 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.596.985.227	7.798.500.204
Chi phí nhân công	17.517.843.703	21.469.226.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.204.705.362	2.378.497.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.927.256.306	38.003.860.118
Chi phí khác	4.925.911.649	7.541.316.742
Cộng	<u>55.172.702.247</u>	<u>77.191.400.911</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ liên quan đến tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	82.610.000	132.989.750
Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	285.252.980	150.252.980

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	3.586.286.250	3.332.167.500
Trên 01 năm đến 05 năm	10.210.613.534	11.770.044.556
Trên 05 năm	2.744.993.523	5.027.004.838
Cộng	<u>16.541.893.307</u>	<u>20.129.216.894</u>

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Giám đốc khối, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÓA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban điều hành và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Lãi vay	392.477.700	812.859.500
Các cá nhân có liên quan khác		
Lãi vay	221.000.300	851.586.400

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.16.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thành viên Hội đồng quản trị	192.000.000	204.000.000
Thù lao	192.000.000	204.000.000
Ban kiểm soát	142.500.000	184.500.000
Lương chuyển trách	94.500.000	136.500.000
Thù lao	48.000.000	48.000.000
Tổng giám đốc	333.888.243	396.768.492
Tiền lương	333.888.243	396.768.492
Giám đốc khối (Trừ Kế toán trưởng)	404.010.968	483.609.802
Tiền lương	404.010.968	483.609.802
Kế toán trưởng	282.245.666	298.812.864
Tiền lương	282.245.666	298.812.864
Cộng	1.354.644.877	1.567.691.158

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm và dịch vụ khác nhau.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh thuốc lá.
- Các lĩnh vực khác: khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vận tải và du lịch.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Lương Ngọc Liên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởng



Sơn Kim Chi
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực Thương mại</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	150.711.845.959	51.110.814.578		201.822.660.537
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận		11.542.324.547	(11.542.324.547)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.711.845.959	62.653.139.125	(11.542.324.547)	201.822.660.537
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.486.774.081	(1.115.850.799)	-	2.370.923.282
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				2.370.923.282
Doanh thu hoạt động tài chính				38.401.144
Chi phí tài chính				(3.917.895.516)
Thu nhập khác				3.548.108.074
Chi phí khác				(74.655.137)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(477.351.573)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1.487.530.274
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		39.010.909	-	39.010.909
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	43.339.581	3.335.225.553	-	3.378.565.134
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực Thương mại	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	922.970.444.545	70.369.058.566	-	993.339.503.111
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	15.034.131.539	(15.034.131.539)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	922.970.444.545	85.403.190.105	(15.034.131.539)	993.339.503.111
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	10.223.530.404	1.340.924.366	-	11.564.454.770
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				11.564.454.770
Doanh thu hoạt động tài chính				42.392.398
Chi phí tài chính				(9.987.629.000)
Thu nhập khác				3.725.372.686
Chi phí khác				(690.010.248)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.386.976.466)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				3.267.604.140
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	1.711.592.748	-	1,711,592,748
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	67.227.273	3.432.860.595	-	3,500,087,868
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không băng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực Thương mại</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>35.004.712.292</u>	<u>33.012.146.683</u>	<u>-</u>	<u>68.016.858.975</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>1.903.673.555</u>
Tổng tài sản				<u>69.920.532.530</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>23.500.241.712</u>	<u>16.145.287.651</u>	<u>-</u>	<u>39.645.529.363</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>654.929.795</u>
Tổng nợ phải trả				<u>40.300.459.158</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>110.016.731.012</u>	<u>43.009.768.360</u>	<u>-</u>	<u>153.026.499.372</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>1.903.673.555</u>
Tổng tài sản				<u>154.930.172.927</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>8.903.561.227</u>	<u>116.981.112.078</u>	<u>-</u>	<u>125.884.673.305</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>451.766.524</u>
Tổng nợ phải trả				<u>126.336.439.829</u>


Lương Ngọc Liên
Người lập

Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởngSan Kim Chi
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH SỐ 1

V/v sửa đổi Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 (LDN năm 2014);

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa (Công ty);

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;

- Căn cứ vào Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;

- Căn cứ vào tình hình thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

Điều lệ hiện hành của Công ty được xây dựng căn cứ theo theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, hiện nay đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Việc tiếp tục duy trì Điều lệ Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 dẫn đến một số bất cập sau:

- Đối với hoạt động nội bộ, Điều lệ được xem là khung pháp lý điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp, tuy nhiên, một số nội dung trong Điều lệ chưa được cập nhật, trái với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014, do đó, gây khó khăn trong việc vận dụng vào hoạt động quản trị doanh nghiệp hoặc mất thêm thời gian dẫn chiếu, tham khảo quy định;

- Một số nội dung được xây dựng khi Công ty còn là doanh nghiệp có vốn Nhà nước, nay đã không còn phù hợp với thực tế hiện trạng công ty.

Theo quy định khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định cổ đông có nghĩa vụ: "2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty".



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH SỐ 1

V/v sửa đổi Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 (LDN năm 2014);

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa (Công ty);

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;

- Căn cứ vào Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;

- Căn cứ vào tình hình thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

Điều lệ hiện hành của Công ty được xây dựng căn cứ theo theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, hiện nay đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Việc tiếp tục duy trì Điều lệ Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 dẫn đến một số bất cập sau:

- Đối với hoạt động nội bộ, Điều lệ được xem là khung pháp lý điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp, tuy nhiên, một số nội dung trong Điều lệ chưa được cập nhật, trái với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014, do đó, gây khó khăn trong việc vận dụng vào hoạt động quản trị doanh nghiệp hoặc mất thêm thời gian dẫn chiếu, tham khảo quy định;

- Một số nội dung được xây dựng khi Công ty còn là doanh nghiệp có vốn Nhà nước, nay đã không còn phù hợp với thực tế hiện trạng công ty.

Theo quy định khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định cổ đông có nghĩa vụ: “2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty”.

Tuy nhiên, với thực trạng trên sẽ khó khăn cho cả cổ đông và Công ty trong việc tuân thủ và vận dụng Điều lệ.

Năm 2016, Công ty đã thực hiện đăng ký Công ty đại chúng và đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM. Ngày 22/09/2017 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017, trong đó công ty đại chúng tham chiếu Điều lệ mẫu tại Phụ lục số 01 Thông tư số 95/2017/TT-BTC để xây dựng Điều lệ Công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017.

Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tham chiếu Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính để xây dựng lên bản dự thảo Điều lệ mới (Đính kèm Dự thảo toàn văn Điều lệ).

HĐQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét việc sửa đổi Điều lệ Công ty như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty theo bản dự thảo Điều lệ mới đính kèm Tờ trình này (tham chiếu Điều lệ mẫu Thông tư số 95/2017/TT-BTC).
2. Trường hợp ĐHĐCĐ không thông qua việc sửa đổi toàn văn Điều lệ Công ty theo bản dự thảo Điều lệ mới đính kèm Tờ trình này, để thuận lợi và thực hiện được việc bầu cử phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014, kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi khoản 1 Điều 38 và khoản 1 Điều 53 Điều lệ Công ty như sau:

Khoản 1 Điều 38 sửa đổi như sau: "*HĐQT có năm thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra. Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014*".

Khoản 1 Điều 53 sửa đổi như sau: "*Là tổ chức do ĐHĐCĐ bầu ra theo phương thức bầu dồn phiếu. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014*".

Toàn văn Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa có hiệu lực ngay khi được thông qua và được áp dụng tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019. Trong trường hợp Điều lệ không được thông qua mà chỉ thông qua sửa đổi **quy định tại khoản 1 Điều 38 và khoản 1 Điều 53** về việc bầu cử thành viên HĐQT và kiểm soát viên (KSV) thì sẽ có hiệu lực ngay khi được thông qua và được áp dụng ngay tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 để bầu bổ sung thành viên HĐQT và KSV.

Các nội dung sửa đổi này sẽ được cập nhật tương ứng vào Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty hiện hành và được xem là đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.



Trần Thiên Kim



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

**DỰ THẢO ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

(Đính kèm Tờ trình số 1 v/v sửa đổi Điều lệ tại ĐHCĐ thường niên năm 2019)

2019

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa được lập và ban hành trên cơ sở Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản pháp luật có liên quan, là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Các Quy chế, quy định của Công ty, các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này, sẽ là cơ sở ràng buộc để Công ty tiến hành các hoạt động quản lý, kinh doanh.

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sài Gòn Hòa xa đã nhất trí thông qua và cam kết thực hiện nội dung của bản Điều lệ này; *đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ 7 so với bản Điều lệ tại Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 12/11/2004 của Công ty.*

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 28 tháng 6 năm 2019.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e. "Ban điều hành" ("người điều hành doanh nghiệp") là Tổng giám đốc, các Giám đốc khối nghiệp vụ và Kế toán trưởng được Hội đồng quản trị bổ nhiệm làm Ban điều hành Công ty;

f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;

g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;

h. "Việt Nam" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

i. "Người quản lý doanh nghiệp" được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

j. "Thành viên Hội đồng quản trị" không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám

đốc, Kế toán trưởng và các Giám đốc khối nghiệp vụ.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **SAIGON TRAIN JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **STJC**

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (028) 3837 7660

- Fax: (028) 3836 9031

- E-mail: info@saigonhoaxa.com.vn

- Website: www.saigonhoaxa.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày ghi trong quyết định chuyển thể từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần của cấp có thẩm quyền và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA Công ty

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Công ty hiện đang kinh doanh các ngành nghề sau:
 - Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ khác;
 - Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
 - Dịch vụ chăm sóc cá nhân và dịch vụ chăm sóc cá nhân khác;
 - Kinh doanh lễ hành nội địa và lễ hành quốc tế;
 - Kinh doanh hàng nội thương;
 - Mua, bán phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và thiết bị xây dựng công trình, xếp dỡ;
 - Kinh doanh nông sản, lâm sản, thủy sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và tiêu dùng;
 - Kinh doanh rượu, bia và nước giải khát các loại;
 - Đại lý xăng dầu;
 - Xuất, nhập khẩu hàng hoá;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Kinh doanh vận tải hàng, khách;
 - Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng;
 - Đại lý bán vé máy bay, tàu hoả;
 - Dịch vụ quảng cáo;
 - Dịch vụ bưu phẩm;
 - Đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
 - Nuôi thủy sản;
 - Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, chuẩn bị mặt bằng;
 - Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
 - Dịch vụ chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây chảy máu);
 - Mua bán hóa mỹ phẩm, hàng công nghệ phẩm, thực phẩm chế biến;
 - Chế biến nông sản;
 - Sản xuất đồ gỗ (trừ chế biến gỗ);
 - Cho thuê nhà, xưởng;
 - Dịch vụ Karaoke;
 - Bán buôn sắt, thép, tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
 - Giáo dục tiểu học;
 - Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;

- Giáo dục nghề nghiệp;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Đào tạo cao đẳng;
- Giáo dục thể thao và giải trí ;
- Giáo dục văn hóa nghệ thuật;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh trên đất hiện hữu của Công ty;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải – chi tiết: Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hoá đường biển và hàng không.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty.

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh như: Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, chuẩn bị mặt bằng, nuôi thủy sản; về dịch vụ: khách sạn, nhà hàng, du lịch, kinh doanh bất động sản, kinh doanh vận tải hành khách, kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty. Công ty luôn tôn trọng và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho cổ đông, đồng thời khẳng định trách nhiệm đối với xã hội; Công ty hoạt động theo hướng đa ngành, luôn tìm kiếm và chọn lọc hướng phát triển thích hợp, không ngừng tìm giải pháp tăng năng suất, sản phẩm mới và tăng thu nhập phục vụ xã hội và lợi ích cổ đông.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 17.200.000.000 đồng (Mười bảy tỷ hai trăm triệu đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.720.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, quốc tịch, số lượng cổ phần, loại cổ phần, mệnh giá cổ phần từng loại và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là hợp lý, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá hoặc Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác theo quy định khoản 3 Điều 124 Luật Doanh nghiệp.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Nội dung đề nghị và việc đăng thông báo theo quy định khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy ngày) kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 20% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, kiểm tra, tra cứu, sao và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và

thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 34 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 114 và khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Xem xét và trích lục biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát theo điểm b khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.
2. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức theo khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính (nếu được Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn) theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan theo khoản 4 Điều 8 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì trách nhiệm và thiệt hại phát sinh xử lý theo khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau theo khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên.

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Quyết định mức cổ tức hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Phê chuẩn Công ty kiểm toán độc lập theo đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát theo khoản 1 Điều 22 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Thù lao và các quyền lợi khác của từng thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- g. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- h. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- i. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

j. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

k. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

l. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại theo quy định;

m. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và điểm b khoản 4 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐ-CP với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

n. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, thành viên Ban điều hành và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác điểm a khoản 4 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

o. Quyết định phương án phân phối, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và cách thức sử dụng quỹ, trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do HĐQT quyết định cách thức sử dụng quỹ;

p. Quyết định phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và các nội dung về loại trái phiếu phát hành, số lượng phát hành, thời hạn trái phiếu, lãi suất trái phiếu...;

q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm m khoản 2 Điều này khi cổ đông đó có lợi ích liên quan;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

5. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho các đối tượng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc

thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Người được các đối tượng nói trên ủy quyền dự họp theo khoản 1 khoản 2 Điều này không được ủy quyền lại cho người khác. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần.

Cổ đông là tổ chức có thể ủy quyền tối đa cho một người làm đại diện theo ủy quyền.

Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện tại khoản 5 Điều 15 Luật Doanh nghiệp và đồng thời phải có đủ năng lực pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức không được ủy quyền cho người khác trừ trường hợp ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền và nội dung văn bản chỉ định người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo khoản 4 Điều 15 Luật Doanh nghiệp.

Người được ủy quyền phải có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các quyền khác của một đại biểu dự họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ theo quy định pháp luật;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên theo điểm đ khoản 7 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty theo khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có nội dung theo khoản 1 Điều 139 Luật Doanh nghiệp: Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, Các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Công ty đại chúng phải công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ

phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp có quyền hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ

đồng, lập danh sách cổ đông đăng ký dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Đại biểu đương nhiên dự Đại hội đồng cổ đông là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết cho những vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có quyền tiến hành các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có quyền hoãn cuộc họp đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền theo khoản 7 Điều 142 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

i. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

ii. Định hướng phát triển Công ty;

iii. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

iv. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

v. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;

vi. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

vii. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành.

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi thông báo nghị quyết này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Công ty phải công bố thông tin về quyết định của Đại hội đồng cổ đông bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) theo quy định pháp luật.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trước thời điểm kiểm phiếu/ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Công ty phải công bố thông tin về quyết định của Đại hội đồng cổ đông bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) theo quy định pháp luật.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và nếu có tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Công ty phải công bố thông tin bất thường về quyết định của Đại hội đồng cổ đông bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) theo quy định pháp luật.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 (sáu mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40 % được đề cử được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70 % được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên...nếu cổ đông có số cổ phần hoặc nhóm cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền gấp nhiều lần tỷ lệ 10 % trên thì người đó được đề cử thêm số ứng viên tương ứng.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác;

- Thành viên của Hội đồng quản trị không được cùng là thành viên Hội đồng quản trị của quá hai Công ty cổ phần khác; thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh của Công ty.

b. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành theo quy định khoản 2 Điều 13 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

3. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Miễn nhiệm:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp;

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Có đơn từ chức;

b. Bãi nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc thay đổi, bổ nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, thành viên Ban điều hành và quyết định tiền lương và quyền lợi khác của họ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

c. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và thành viên Ban điều hành trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

e. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, việc thành lập hay giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

f. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

g. Xây dựng quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 71/2017/NĐ-CP. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

h. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

i. Đề xuất mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

j. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

k. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

- l. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu;
 - m. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - o. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;
 - p. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - q. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - r. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
 - s. Quản trị Công ty theo Điều lệ; nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ đúng luật pháp;
 - t. Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông: Các báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận;
 - u. Thực hiện việc trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Hội đồng quản trị quyết định cách thức sử dụng quỹ;
 - v. Quyết định một số công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo đề nghị của Tổng giám đốc;
 - x. Quyết định việc đầu tư và quan hệ quốc tế;
 - y. Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - z. Phê duyệt phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật trong thẩm quyền theo quy định các quy chế quản trị nội bộ của Công ty;
 - aa. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị;
 - bb. Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, những sai phạm trong quản trị do mình gây ra thiệt hại cho Công ty;
 - cc. Xem xét và ủy quyền cho Tổng giám đốc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty;
 - dd. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
- b. Thành lập các Công ty con của Công ty;
- c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
- d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;
- e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh vượt quá 1 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư thuộc kế hoạch kinh doanh vượt quá 10% giá trị kế hoạch kinh doanh hàng năm;
- f. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải là tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;
- g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài theo phân cấp tại (theo phân cấp của Quy chế Tài chính hiện hành);
- h. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 (mười hai) tháng;
- i. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

5. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

6. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và tiền thưởng. Thù lao được tính theo tháng. Mức thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b. Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người lao động của Công ty thì được hưởng lương và các quyền lợi khác như người lao động khác của Công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ cụ thể được giao theo biên bản/ng nghị quyết của Hội đồng quản trị;

d. Tổng giám đốc được trả tiền lương và tiền thưởng. Tiền lương, tiền thưởng, quyền lợi khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao, các lợi ích và mọi chi phí hoạt động khác của Hội đồng quản trị như chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí hợp lý khác và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác theo khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị, chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10) mười ngày.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường

hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tuyển dụng thư ký chuyên trách để thực hiện các việc mang tính tổng hợp, phân tích số liệu, tài liệu, làm công việc hành chính, ghi biên bản và các công việc khác của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị và chủ trì.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong số các đối tượng được quy định tại khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- c. Ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên chậm nhất 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho thành viên HĐQT khác dự họp và phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết.

a. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch mà thành viên đó có lợi ích liên quan.

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp.

16. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

17. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

18. Chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Ban điều hành gồm Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên Ban điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp

1. Hội đồng quản trị có quyền tuyển dụng người trong Ban điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Tổng giám đốc có quyền đề xuất tuyển dụng thành viên khác trong Ban điều hành để Hội đồng quản trị xem xét quyết định. Thành viên Ban điều hành phải có trách nhiệm mãn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; các thành viên khác trong Ban điều hành có trách nhiệm giúp việc cho Tổng giám đốc theo từng khối nghiệp vụ và công việc được phân công. Thành viên Ban điều hành chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao hoặc phân công. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc và nhiệm kỳ của các cán bộ khác trong Ban điều hành theo quyết định cụ thể của Hội đồng quản trị.

3. Tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng lao động với thành viên Ban điều hành do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

4. Việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng lao động trong đó quy định tiền lương và lợi ích khác.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

c. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, và các loại hợp đồng khác theo luật định, theo Điều lệ Công ty và Quy chế Tài chính do Hội đồng quản trị ban hành, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

d. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

f. Kiến nghị người điều hành khác của doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành khác để Hội đồng quản trị quyết định;

g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

h. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ công nhân viên dưới quyền và phê duyệt phương án tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị trực thuộc theo Quy chế Tổ chức do Hội đồng quản trị ban hành;

i. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

j. Tuyển dụng người lao động theo phân cấp;

k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty;

l. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị;

o. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch hàng năm, kế hoạch trung hạn và kế hoạch dài hạn;

p. Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm (trừ những sản phẩm dịch vụ do Nhà nước quy định);

q. Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất;

r. Quyết định và thực hiện những vấn đề về tài chính theo Quy chế tài chính do Hội đồng quản trị ban hành;

s. Được đề nghị Hội đồng quản trị khen thưởng, kỷ luật các chức danh: Giám đốc nghiệp vụ, Kế toán trưởng, trừ những trường hợp Hội đồng quản trị cần thực hiện trực tiếp;

t. Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;

u. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố khẩn cấp... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;

v. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

7. Khi Tổng giám đốc muốn từ chức, từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và giải quyết. Khi thôi chức vụ, Tổng giám đốc phải bàn giao đầy đủ công việc cho người kế nhiệm mình.

8. Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Chết;
- Tự ý bỏ nhiệm sở theo quy định của Bộ luật Lao động;
- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc ;

- Không được Hội đồng quản trị bổ nhiệm lại;
- Bị miễn nhiệm bởi Hội đồng quản trị;
- Hợp đồng lao động hết hạn mà không gia hạn hoặc theo thỏa thuận tại hợp đồng lao động.

9. Trường hợp Tổng giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

10. Tổng giám đốc Công ty có thể ủy nhiệm cho các Giám đốc nghiệp vụ hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình; khi Tổng giám đốc đi vắng, Tổng giám đốc được phép ủy quyền cho một trong các Giám đốc nghiệp vụ thay mặt mình điều hành công việc Công ty.

Người được Tổng giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.

Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến kinh doanh, tài chính, con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Các Giám đốc nghiệp vụ, Kế toán trưởng, các trưởng phòng, ban, Giám đốc chi nhánh trong Công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các nhân viên cấp dưới của mình theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty và pháp luật về sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 35. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 (ba) người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra hoặc bãi miễn. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một 01 (một) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

6. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

7. Việc thay đổi, bổ nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 36. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau theo Điều 22 Nghị định 71/2017/NĐ-CP:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d và đ khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp và Điều 10 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số Kiểm soát viên trở lên dự họp theo khoản 1 Điều 23 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

4. Thù lao, lương, lợi ích khác và các chi phí hoạt động của Kiểm soát viên được thực hiện theo Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, nhằm đảm bảo lợi ích tối đa của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới cổ đông là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này; cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, cụ thể như sau:

a. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại điểm a khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

6. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 5 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc, có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

7. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu trữ các tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Doanh nghiệp tại trụ sở chính; thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các

chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 năm đó. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày

cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm đó

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), phải được công bố theo quy định pháp luật.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN Công ty

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 03 (ba) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

1. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp.

2. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

4. Theo quyết định của Tòa án theo quy định tại Điều 203 Luật Doanh nghiệp.

5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý

thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 54 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa nhất trí thông qua ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại Khách sạn Liberty SaiGon ParkView, 265 Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. 01 (một) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. 05 (năm) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. 04 (bốn) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật ./.

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA Công ty .	2
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	2
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	4
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	5
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	6
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	6
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	6
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	7
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	7
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	7
Điều 12. Quyền của cổ đông	7
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	8
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	13
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	22
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	24

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.....	26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	28
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH	31
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	31
Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp	31
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc..	31
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	34
Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	34
Điều 35. Kiểm soát viên.....	34
Điều 36. Ban kiểm soát	35
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	36
Điều 37. Trách nhiệm cần trọng.....	36
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	38
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	38
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	38
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	38
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn	38
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	39
Điều 42. Phân phối lợi nhuận.....	39
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	39
Điều 43. Tài khoản ngân hàng	39
Điều 44. Năm tài chính	39
Điều 45. Chế độ kế toán.....	40
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	40
Điều 46. Báo cáo tài chính năm	40
Điều 47. Báo cáo thường niên.....	40
XVI. KIỂM TOÁN Công ty.....	40
Điều 48. Kiểm toán	40
XVII. CON DẤU	41
Điều 49. Con dấu.....	41
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	41
Điều 50. Chấm dứt hoạt động	41

Điều 51. Thanh lý.....	41
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	42
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ	42
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	42
Điều 53. Điều lệ Công ty.....	42
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	43
Điều 54. Ngày hiệu lực.....	43

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CP	Loại CP	Mệnh giá (đ/CP)
1	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	118 Lê Duẩn, Tp. Hà Nội	Việt Nam	51.600	Phổ thông	100.000
2	Đỗ Văn Trang	86 Nguyễn Thông, P.9 Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	320	Phổ thông	100.000
3	Nguyễn Thủy Lưu	65/1 Tân Hưng, P.12 Q.5, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	871	Phổ thông	100.000
4	Mai Đình Võ	57 Trần Nhật Duật, P. Tân Định, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
5	Nguyễn Lan Phương	41 Nguyễn Thượng Hiền, Q.Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	300	Phổ thông	100.000
6	Cao Hữu Sơn	57 Trần Nhật Duật, P. Tân Định, Q.1 Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	471	Phổ thông	100.000
7	Đào Văn An	257 Đại lộ 3, P.Phước Bình, Q.9, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
8	Huỳnh Thị Bộ	351/22 Ng. Trọng Tuyển, P.1, Q. Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	290	Phổ thông	100.000
9	Lưu Ngọc Xanh	5A Lê Minh Xuân, P.7 Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	240	Phổ thông	100.000
10	Nguyễn Ngọc Bích	04 Cư xá Lý Thái Tổ, P.1, Q.3 Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	270	Phổ thông	100.000
11	Nguyễn Thuận	217 Cư xá Lý Thái Tổ, P.1, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
12	Nguyễn Trọng Huân	12B Trần Phú Huyện Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
13	Lê Nguyễn Thanh Tuấn	1412/1A KP.1, P.An Phú Đông,Q.12, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
14	Trịnh Hồng Diệp	Xã Mỹ Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hoá	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
15	Đoàn Thị Kiều Uyên	55 Vũ Chí Hiếu, P13, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
16	Phương Thị Thu Hà	285/Q1A, CMT8, P.12, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
17	Phù Quang Khanh	40 Nguyễn Trường Tộ, P.12 Q.4, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	280	Phổ thông	100.000
18	Lưu Thị Lê	130/20 CMT8 P.10 Q.3 TP.Hồ Chí Minh	Việt Nam	487	Phổ thông	100.000
19	Nguyễn Phúc Hậu	78/1 Trần Nhân Tôn, P.2, Q.10, TP.Hồ Chí Minh	Việt Nam	2.297	Phổ thông	100.000
20	Lương Chí Vĩ	322 lô C, CC Lý Thường Kiệt, P7, Q.11 Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	503	Phổ thông	100.000
21	Nguyễn Hoàng Sơn	528/7A Phạm Văn Chí, P8, Q.6, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	631	Phổ thông	100.000
22	Nguyễn Minh Đức	Xã Bình Trưng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Việt Nam	283	Phổ thông	100.000
23	Nguyễn Thanh Phong	16/16 Bùi V. Ba, P. Tân Thuận Đông, Q.7, Tp. Hồ Chí Minh	Việt Nam	1.499	Phổ thông	100.000
24	Nguyễn Thị Thanh Mai	289/108 Trần Hưng Đạo, P.Cô Giang, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	2.371	Phổ thông	100.000
25	Phạm Kim Liên	174/10 Lý Chính Thắng, P7, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	1.742	Phổ thông	100.000
26	Phạm Quan Liêm	5A Lê Minh Xuân, P7, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	1.863	Phổ thông	100.000
27	Vũ Hữu Vĩnh	95/50 Huỳnh V. Bánh, P.17, Q.PNhuận, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	110	Phổ thông	100.000
28	Nguyễn Thanh Minh	339/2 Ng. Thái Bình, P.12 Q.Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Việt Nam	592	Phổ thông	100.000
29	Trần Trọng Hưng	132/1B/A2 Tô Hiến Thành, P15, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	625	Phổ thông	100.000
30	Phạm Trí Dũng	46 Hoàng An, Trung Phụng, Tp. Hà Nội	Việt Nam	485	Phổ thông	100.000
31	Phạm Như Hồng	12B Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
32	Ngô Sơn Thịnh	Ấp 2, Xã Phú An, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang	Việt Nam	400	Phổ thông	100.000

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CP	Loại CP	Mệnh giá (đ/CP)
33	Khiếu Quang Lân	09-011 Lô 11 CXThanh Đa, P.27, Q. B.Thạnh, Tp.HCM	Việt Nam	220	Phổ thông	100.000
34	Lê Đức Thịnh	124 Đoàn Văn Bơ, P9, Q.4 Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	931	Phổ thông	100.000
35	Cao Hữu Triều	Xã Nhân Bình, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam	Việt Nam	195	Phổ thông	100.000
36	Hoàng Thị Thanh Thuý	154 Cao Thắng, Tp.Hải Phòng	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
37	Lê Thị Lệ Nga	110D Lê Lai, P.3, Q.Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	391	Phổ thông	100.000
38	Lương Ngọc Liên	53 Lý Thường Kiệt, P.4, Q.Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	542	Phổ thông	100.000
39	Lương Trung Việt	563/37 Nguyễn Đình Chiểu, P2, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	126	Phổ thông	100.000
40	Nguyễn Minh Tuấn	136 CMT8, P.10, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	429	Phổ thông	100.000
41	Nguyễn Thanh Trung	3A Trần Văn Ký, P14, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	308	Phổ thông	100.000
42	Nguyễn Thế Tụng	45/21 Nghĩa Phát, P.6, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	200	Phổ thông	100.000
43	Nguyễn Thị Hồng	Xã Bình Minh, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá	Việt Nam	161	Phổ thông	100.000
44	Nguyễn Thị Liêm	143 Bùi Viện, P.Phạm Ngũ Lão, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	150	Phổ thông	100.000
45	Nguyễn Văn Hùng	157/29 Trần Văn Đàng, P.11, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
46	Nguyễn Xuân Tinh	57 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	499	Phổ thông	100.000
47	Nguyễn Thị Xuân Tình	136 CMT8, P.10, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
48	Đỗ Đức Dũng	216 Võ Thị Sáu, P.12 Q3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	70	Phổ thông	100.000
49	Phạm Hữu Chính	351/13 Ng.Trọng Tuyển, P.1 Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
50	Tô Thị Sứ	104 Cao Thắng, P.4 Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	170	Phổ thông	100.000
51	Trần Thị Quy	27-29 Trần Hoà, P10, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	220	Phổ thông	100.000
52	Trần Thị Thuý Dương	285/Q1A CMT8, P.12, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
53	Cao Hữu Chiến	H10A CMT8, P.12, Q.TB, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	229	Phổ thông	100.000
54	Vũ Văn Hoàng	Xã Nghĩa Thịnh, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Hà	Việt Nam	40	Phổ thông	100.000
55	Huỳnh Phước	142/24 LThúc Hoạch, P.Phú Thọ Hòa, Q.TPhú Tp.HCM	Việt Nam	250	Phổ thông	100.000
56	Huỳnh Thị Ngọc Châm	104, Lô D, Cư xá Thanh Đa, P27, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	359	Phổ thông	100.000
57	Lê Liêm	271 Huỳnh Văn Bánh, P11, Q.Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
58	Lê Văn Thi	124/30 Xóm Đất, P8, Q.11, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	298	Phổ thông	100.000
59	Đặng Thị Ngọc Châu	265/7/29 PNLão, P.PNLão, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
60	Đặng Thuý Oanh	A2 Cư xá Bắc Bình P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	308	Phổ thông	100.000
61	Đặng Tuyết Minh	70/29 Cư xá Đô Thành, P4, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	409	Phổ thông	100.000
62	Nguyễn Diệu Khanh	12/3D Kỳ Đồng, P.9, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	229	Phổ thông	100.000
63	Nguyễn Thị Cẩm Vân	562/1B Lê Quang Định, Q. Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	200	Phổ thông	100.000
64	Nguyễn Văn Thiện	303/2 Cô Giang, P2, Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
65	Nguyễn Xuân Toàn	301T4 Lô B CC 189B, Công Quỳnh, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	194	Phổ thông	100.000
66	Phan Trứ Phiêu	517/19 Nguyễn Trãi, P.7, Q.5, Tp. Hồ Chí Minh	Việt Nam	793	Phổ thông	100.000

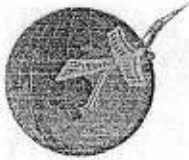
Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CP	Loại CP	Mệnh giá (đ/CP)
67	Đỗ Văn Thịnh	202DC/63 Hoà Bình, P.5, Q.11, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	537	Phổ thông	100.000
68	Tăng Trịnh Thanh Trúc	Vĩnh Mỹ B, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
69	Trần An Liên	132 Ng. Thái Học, P.PNLão, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	555	Phổ thông	100.000
70	Trịnh Văn Thông	575/70 CMT8, P.15, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	453	Phổ thông	100.000
71	Vũ Thị Kim Dung	50 CMT8, P.6, Q3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
72	Nguyễn Kim Phụng	B4/1 Chu Văn An, P.12, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	421	Phổ thông	100.000
73	Lê Thị Thanh Hương	141/10 Lý Tự Trọng, P.Bến Thành, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	424	Phổ thông	100.000
74	Nguyễn Thị Phước	264/3 KP3, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
75	Nguyễn Văn Bình	5/3 KP3, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	240	Phổ thông	100.000
76	Quản Thị Cẩm Tú	84/2 Nguyễn Thị Nhỏ, P9, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	190	Phổ thông	100.000
77	Hồ Thị Thanh Hiền	Xã Minh Đạo, Huyện Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	Việt Nam	210	Phổ thông	100.000
78	Hoàng Việt Phương	143 Lầu 2 Bùi Viện, P.PNLão, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	110	Phổ thông	100.000
79	Lại Thị Nhung	82/25/2 Lý Thường Kiệt, P7, Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
80	Lữ Thị Tiến	82/23 Bùi Đình Túy, P24, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	220	Phổ thông	100.000
81	Mai Đình Hưng	Xã Thọ Hải, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá	Việt Nam	70	Phổ thông	100.000
82	Nguyễn Hồng Cúc Mai	239/34/26 Hoàng Đạo (Trần Văn Đàng), Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
83	Nguyễn Thị Bích Hạnh	16 PNLão, P.PNLão, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	170	Phổ thông	100.000
84	Nguyễn Thị Danh	Xã Tân Việt, Huyện Nam Thanh, Tỉnh Hải Hưng	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
85	Nguyễn Thị Hường	361/8 Tân Quy, Q.7, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	240	Phổ thông	100.000
86	Nguyễn Thị Kim Thu	144/45 Trần Phú, P.4 Q.5 Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	360	Phổ thông	100.000
87	Nguyễn Thị Ngoan	Xã Minh Đạo, Huyện Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
88	Nguyễn Văn Ba	283 CX Lý Thái Tổ, P.1, Q3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
89	Đình Thị Mừng	21/1/9 Nguyễn Thiện Thuật, P2, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
90	Phạm Thị Thuý	15 Đoàn Như Hải, P.12, Q.4, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	210	Phổ thông	100.000
91	Phan Thị Thành	40 Nguyễn Trường Tộ, P.12, Q.4, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	80	Phổ thông	100.000
92	Trịnh Thị Hương Lan	Xã Hiệp Thạnh, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
93	Văn Thị Hồng Hà	351/13 Ng. Trọng Tuyển,P.1, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
94	Vấn Thuý Quyên	288 CMT8, P.10 Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
95	Huỳnh Văn Hào	268 Thống Nhất, Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	378	Phổ thông	100.000
96	Cao Hữu Dương	Xã Nhân Bình, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam	Việt Nam	40	Phổ thông	100.000
97	Danh Thị Hoa	Xã Phan Rang, Huyện Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	180	Phổ thông	100.000
98	Dương Ngọc Thoan	Xã Khánh Công, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình	Việt Nam	100	Phổ thông	100.000
99	Hồ Thị Yên	Xã Mường Mán, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Thuận Hải	Việt Nam	190	Phổ thông	100.000
100	Huỳnh Thị Tuyết	Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	110	Phổ thông	100.000

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CP	Loại CP	Mệnh giá (đ/CP)
101	Lê Thị Hạnh	Xã Phan Rang, Huyện Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	368	Phổ thông	100.000
102	Lê Thị Ngọc Trinh	Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	110	Phổ thông	100.000
103	Lưu Công Chinh	Xã Giao Yến, Huyện Xuân Thủy, Tỉnh Nam Hà	Việt Nam	80	Phổ thông	100.000
104	Nguyễn Thị Xuân	Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	110	Phổ thông	100.000
105	Nguyễn Thị Thu Thủy	Xã Phan Rang, Huyện Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	104	Phổ thông	100.000
106	Nguyễn Xuân Dương	Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Bình	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
107	Nguyễn Văn Hoá	Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	170	Phổ thông	100.000
108	Nguyễn Văn Long	Xã Đức Hợp, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	Việt Nam	50	Phổ thông	100.000
109	Nguyễn Văn Tú	Xã Phan Rang, Huyện Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
110	Nguyễn Xuân Tùng	Tập thể 608, Thịnh Liệt, Thanh Trì, Tp.Hà Nội	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
111	Phạm Đình Thang	Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	278	Phổ thông	100.000
112	Phạm Văn Nam	D7, Hoàng Diệu, Tx.Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
113	Trần Phước	29/7 Lê Hồng Phong, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	50	Phổ thông	100.000
114	Trần Thị Dung	Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	160	Phổ thông	100.000
115	Trần Thị Loan	KP4, Phú Thủy, Tp.Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Việt Nam	290	Phổ thông	100.000
116	Trần Trung Trí	Xã Tây Đô, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình	Việt Nam	80	Phổ thông	100.000
117	Võ Thị Hương	Thị trấn Phước Dân, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	70	Phổ thông	100.000
118	Vũ Thị Phương	Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	70	Phổ thông	100.000
119	Phạm Xuân Hùng	143 Bùi Viện, P.PNLão, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	190	Phổ thông	100.000
120	Lê Thị Minh Thơ	170 Hoàng Văn Thụ, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
121	Lê Thị Phương	Phước Tân, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
122	Lương Thị Ngọc Thanh	Phước Tân, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
123	Nguyễn Thị Yến	170 Hoàng Văn Thụ, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
124	Huỳnh Thị Ánh Nguyệt	85/3/1 Phương Sài, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
125	Nguyễn Thị Giữ	49B Nguyễn Thiện Thuật, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	310	Phổ thông	100.000
126	Nguyễn Thị Huệ	24 Đồi T Thủy, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
127	Nguyễn Thị Nha	170/3 Hoàng Văn Thụ, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	190	Phổ thông	100.000
128	Nguyễn Thị Thanh Gia	68/8 Đô Lương, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
129	Phạm Huy Quân	Xã Nhân Quyền, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
130	Trần Thái Nam	Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Vĩnh Phú	Việt Nam	70	Phổ thông	100.000
131	Trần Thị Ngọc Âu	Vĩnh Phước, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
132	Trương Thị Mè	Phước Tận, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
133	Vũ Thị Minh Tâm	170 Hoàng Văn Thụ, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
134	Bùi Quang Toàn	1 Quang Trung, P9, Tp.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	290	Phổ thông	100.000

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CP	Loại CP	Mệnh giá (đ/CP)
135	Lương Đình Soa	01 Quang Trung, P.9, Tp.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	160	Phổ thông	100.000
136	Nguyễn Duy Chương	Xã Gia Hiệp, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	50	Phổ thông	100.000
137	Nguyễn Duy Khải	6/1 Quang Trung, P.9, Tp.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	200	Phổ thông	100.000
138	Nguyễn Thị Bích Thủy	01 Quang Trung, P.9, Tp.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	180	Phổ thông	100.000
139	Nguyễn Thị Nhung	2/17D Nguyễn Trãi, P.9, Tp.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	210	Phổ thông	100.000
140	Nguyễn Xuân Nguyên	Xã Đinh Văn, Huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	140	Phổ thông	100.000
141	Quách Thị Thanh Mai	1 Quang Trung, P.9, Tp.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	160	Phổ thông	100.000
142	Trần Thị Minh Hồng	1 Quang Trung, P.9, Tp.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	220	Phổ thông	100.000
143	Huỳnh Đình Lâm	B5 Chu Văn An, P.12, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	1.018	Phổ thông	100.000
144	Huỳnh Thị Tuyết Nga	48/18 Hàm Tử P.1, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	974	Phổ thông	100.000
145	Lê Mỹ Dung	177/2 Bình Triệu, P.HBChánh, Q.TĐức, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	3.343	Phổ thông	100.000
146	Lê Phương Nam	B7 Chu Văn An, P12, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	1.211	Phổ thông	100.000
147	Đàm Văn Hiệp	TK53/13B Bến C.Dương, P.Cầu Kho, Q.1 Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	2.651	Phổ thông	100.000
148	Nguyễn Đức Thắng	59-59A An Dương Vương, P.8, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	1.883	Phổ thông	100.000
149	Nguyễn Thị Ngà	216/88 Hoà Hưng, P.13, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	3.188	Phổ thông	100.000
150	Đoàn Văn Tuấn	121 Nguyễn Trãi, P.2, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	2.775	Phổ thông	100.000
151	Tăng Thị Minh Tân	20/16F Kỳ Đồng, P.9, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	3.160	Phổ thông	100.000
152	Trần Vĩ Đường	97 Đề Thám, P.Cô Giang, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	1.165	Phổ thông	100.000
153	Trương Ái Liễu	161 Nguyễn Duy Dương, P.3, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	1.018	Phổ thông	100.000
154	Hoàng Thị Nga	Xã Đông Hoàng, Huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hoá	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
155	Hoàng Thị Phương	290/6 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
156	Lê Ánh Thủy	130/7 CMT8, Q.10, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	80	Phổ thông	100.000
157	Lê Thị Minh Nguyệt	021C Chung cư Ngô Gia Tự, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	70	Phổ thông	100.000
158	Lưu Tuyết Trinh	24 Hàng Da, Tp.Hà Nội	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
159	Mai Văn Hoàn	15 Ngõ Phố Giác, Ngõ Sỹ Liên, Tp.Hà Nội	Việt Nam	330	Phổ thông	100.000
160	Đặng Thị Thu Vy	205/72 Trần Văn Đăng, P.11 Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
161	Nguyễn Khánh Ly	21 Đại Đồng, Tp.Hà Nội	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
162	Nguyễn Thị Kim Oanh	221 CX Đường Sắt, Lý Thái Tổ, P.1, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
163	Nguyễn Thị Ngọc Quý	81/55/5 Hồ Văn Huê, P.9, Q.Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
164	Nguyễn Thị Song Hà	P.102-M15B, Trương Định, Tp. Hà Nội	Việt Nam	170	Phổ thông	100.000
165	Nguyễn Thị Thanh Thủy	A7 P.11, Tập thể Khương Thượng, Hà Nội	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
166	Nguyễn Thị Thu Hà	Tổ 11, Sài Đồng, Gia Lâm, Tp.Hà Nội	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
167	Nguyễn Thủy Trân	220/37 Lê Văn Sỹ, P.14, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	360	Phổ thông	100.000
168	Nguyễn Trung Đông	Xã Mộ Đạo, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CP	Loại CP	Mệnh giá (đ/CP)
169	Đỗ Kỳ Anh	Tập thể Công Trường 2, Vĩnh Tuy, Tp.Hà Nội	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
170	Phan Thị Kim Phượng	Xã Âm Thượng, Huyện Thanh Hoà, Tỉnh Vĩnh Phú	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
171	Trần Bộ Thiên	1980A, Huỳnh V. Chính, P.19, Q.TBinh, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
172	Trương Quốc Dũng	Xã Đại Lãnh, Huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
173	Vây Văn Minh	1260 Đường 3-2, P.2, Q.11, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
174	Hồ Thị Bích Hằng	69 Đoàn V. Bơ, Q.4, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
175	Lê Song Bình	39 Huỳnh Văn Chính, P.19 Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	130	Phổ thông	100.000
176	Nguyễn Minh Đạt	22 Hùng Vương, P.2, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	220	Phổ thông	100.000
177	Trương Bội Hiền	360 Trần Phú, Q.5, Tp. Hồ Chí Minh	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
178	Hàng Tín	228/21 Hậu Giang, P.9, Q.6, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
179	Huỳnh Đăng Dũng	418/12 Phan Xích Long, P.2, Q.PNhuận, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
180	Đặng Thụy Ngọc Trang	80/14 Nguyễn Lâm, P.3, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	40	Phổ thông	100.000
181	Nguyễn Thị Phương Trang	Xã Bình Trung, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
182	Bùi Quang Thắng	53/103 Châu Thượng Văn, Tp.Đà Nẵng	Việt Nam	15	Phổ thông	100.000
183	Hà Văn Bình	Xã Vũ Lạc, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình	Việt Nam	180	Phổ thông	100.000
184	Huỳnh Lâm	Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
185	Huỳnh Lê Trung	Thôn 4, Xã Sông Luỹ, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận	Việt Nam	500	Phổ thông	100.000
186	Kiều Xuân Thắng	Tập thể Viện KHVN, Kim Mã, Tp.Hà Nội	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
187	Lê Hạnh	561/19/5 XVNT, P.26, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	853	Phổ thông	100.000
188	Mai Thị Trang	Xã Phan Rang, Huyện Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
189	Đặng Thị Thu Hương	285/5 Trần Bình Trọng, P.4, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	466	Phổ thông	100.000
190	Đặng Thị Thu Thủy	7 Nguyễn Oanh, P.17, Q.Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
191	Ngô Hoa Thanh	Thị trấn Phúc Yên, Huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
192	Nguyễn Anh Hưng	Xã Tân Hồng, Huyện Ba Vì, Tỉnh Hà Tây	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
193	Nguyễn Thị Len	Xã Trục Mỹ, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
194	Nguyễn Thị Minh Hà	215F/1 Phan Đăng Lưu, P.1 Q.Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	280	Phổ thông	100.000
195	Nguyễn Thị Xuân Hoa	Xã Diên Lạc, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
196	Nguyễn Văn Chương	P309/461 Trần Quý Cáp, Tp. Hà Nội	Việt Nam	50	Phổ thông	100.000
197	Phan Hiền	Xã An Lộc, Huyện Bình Long, Tỉnh Bình Phước	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
198	Thái Văn Ba	Tổ 33, P.Phước Mỹ, Q.Sơn Trà, Tp.Đà Nẵng	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
199	Tô Thủy Trinh	Xã Hải Ninh, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
200	Trần Ngọc Minh Thu	Xã Tân Kim, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An	Việt Nam	311	Phổ thông	100.000
201	Trần Thị Thu Trang	Xã Bình Đông, Huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
202	Trần Văn A	369/57 Lý Thái Tổ, P.9, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	270	Phổ thông	100.000

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CP	Loại CP	Mệnh giá (đ/CP)
203	Vũ Thị Quay	Bình Khê, Phước Tân, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
204	Công ty TNHH TM-DL Đại Lâm	764 Trần Hưng Đạo, P.7 Q.5 Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	50.000	Phổ thông	100.000
205	Trần Hiền Phước	97 Đề Thám, P.Cô Giang, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	2.000	Phổ thông	100.000



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH SỐ 2

V/v thông qua kết quả kinh doanh năm 2018

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa,

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua kết quả kinh doanh năm 2018 theo các chỉ tiêu như sau:

- | | |
|-------------------------|------------------|
| - Doanh thu: | 201.822.660.537đ |
| - Lợi nhuận trước thuế: | 1.964.881.847đ |
| - Lợi nhuận sau thuế: | 1.487.530.274đ |

Kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



Trần Thiên Kim



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH SỐ 3 V/v thông qua kế hoạch năm 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa,

Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua kế hoạch năm 2019 như sau:

1. Kế hoạch SXKD

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Ghi chú
1	Doanh thu	64.000.000.000đ	
2	Lợi nhuận trước thuế	700.000.000đ	
3	Lợi nhuận sau thuế	560.000.000đ	

2. Kế hoạch đầu tư, sửa chữa:

Stt	Danh mục	Kinh phí	Ghi chú
1	Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị cho Biệt thự 7, Biệt thự 9 Khách sạn Đường sắt Đà Lạt	223.000.000đ	
2	Sửa chữa và coi nới khu vực nhà vệ sinh Nhà hàng Cà Ná Quán – Khách sạn Cà Ná.	350.000.000đ	

Kính trình HĐQT xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

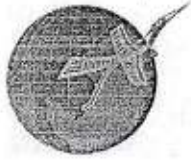
- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



Trần Thiên Kim



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH SỐ 4

V/v thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa,

Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc (đã được trình bày tại Đại hội).

Kính trình HĐQT xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;

- CĐ;

- Lưu: VP HĐQT.



Trần Thiên Kim



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH SỐ 5

V/v thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa,

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Báo cáo hoạt động của HDQT (đã được trình bày tại Đại hội).

Kính trình HĐQT xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.



Trần Thiên Kim



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH SỐ 6

V/v thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa,

Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (đã được trình bày tại Đại hội).

Kính trình HĐQT xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

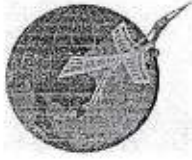
Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.



Trần Thiên Kim



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH SỐ 7

V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa,

Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C.

Kính trình HĐQT xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.



Trần Thiên Kim



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 4013003015 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH SỐ 8 V/v phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xà;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 do Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xà (Công ty) lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C,

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đề nghị việc phân phối lợi nhuận (LN) năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: đồng

LN sau thuế năm 2018: 1.487.530.274

LN này được phân phối như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: (tương đương 86% LN thực tế): 1.279.276.036
- Quỹ khen thưởng (tương đương 7% LN thực tế): 104.127.119
- Quỹ phúc lợi (tương đương 7% LN thực tế): 104.127.119

Do tình hình về vốn kinh doanh, đầu tư khó khăn, nên phần dự định để chia cổ tức sẽ được để lại và đưa vào Quỹ đầu tư phát triển.

Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi được giao cho HĐQT quyết định và chỉ đạo việc sử dụng theo đúng quy định của pháp luật để chi cho các khoản khen thưởng, phúc lợi.

Các mục phân phối trên đã làm tròn số, số tiền lẻ được đưa vào Quỹ đầu tư phát triển.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

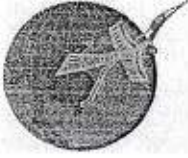
Nơi nhận:

- HĐQT, Ban kiểm soát;
- Cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT



Trần Thiên Kim



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH SỐ 9

V/v phương án lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa,

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua thù lao của HĐQT và lương, thù lao của Ban kiểm soát (BKS) như sau:

1. Thù lao của HĐQT:

- Chủ tịch HĐQT: 7.000.000đ/tháng;
- Thành viên HĐQT: 5.000.000đ/tháng/người

2. Lương và thù lao BKS:

a. Trưởng BKS:

- Lương chuyên trách: 19.000.000đ/tháng;
- Phụ cấp cho các ngày lễ tết: 1,0 tháng lương chuyên trách/năm
- Lợi ích khác: Theo mức chung của người lao động tại Văn phòng Công ty.

b. Thành viên BKS

- Thù lao: 4.000.000đ/tháng/người.

Mức thù lao này được áp dụng kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua cho tới khi có quyết định khác của ĐHĐCĐ.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

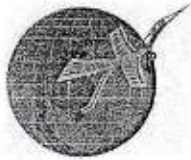
- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



Trần Thiên Kim



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH SỐ 10

*V/v miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa;

Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa,

Ngày 13/6/2019, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa đã nhận được đơn từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT của:

+ Bà Lưu Thị Lê – Thành viên HĐQT

+ Bà Tăng Thị Minh Tân – Thành viên HĐQT

HĐQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và chấp thuận:

- Thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT của Bà Lưu Thị Lê và bà Tăng Thị Minh Tân;

- Trình ĐHĐCĐ thông qua việc bầu bổ sung 02 (hai) thành viên HĐQT với thời gian của nhiệm kỳ là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2015 - 2019 để đảm bảo đủ số lượng theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa và các quy định hiện hành.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



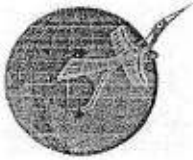
Trần Thiên Kim

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;

- CĐ;

- Lưu: VP HĐQT.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH SỐ 11

*V/v miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát
và bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa;

Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa,

Ngày 07/06/2019, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa đã nhận được đơn từ nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát (kiểm soát viên) của:

- + Bà Huỳnh Thị Đào – Trưởng Ban kiểm soát
- + Bà Lữ Thị Tiến – Kiểm soát viên
- + Ông Lê Nguyễn Thanh Tuấn – Kiểm soát viên

HĐQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và chấp thuận:

- Thông qua việc miễn nhiệm tư cách kiểm soát viên của Bà Huỳnh Thị Đào, Bà Lữ Thị Tiến và Ông Lê Nguyễn Thanh Tuấn;
- Trình ĐHĐCĐ thông qua việc bầu bổ sung 03 (ba) kiểm soát viên với thời gian của nhiệm kỳ là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2015 - 2019 để đảm bảo đủ số lượng theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa và các quy định hiện hành.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Thiên Kim



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH SỐ 12

V/v phê chuẩn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xà (Công ty);

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng,

Theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06 tháng 06 năm 2017, Ban kiểm soát (BKS) có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) của Công ty.

BKS kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua việc phê chuẩn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2019 của Công ty như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Là công ty kiểm toán có trong danh sách được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho các công ty có lợi ích công chúng;

- Là công ty kiểm toán có trình độ và nhiều kinh nghiệm;

- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;

- Không có xung đột về lợi ích với Công ty khi thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty;

- Có mức chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Công ty kiểm toán được đề xuất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ: 02 Trường Sơn, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng BKS

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;

- CĐ;

- Lưu: VP HĐQT.

Huỳnh Thị Đào



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

THÔNG BÁO

V/v: Đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa

Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa trân trọng thông báo đến Quý cổ đông (CĐ) về hồ sơ đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Kiểm soát viên (KSV), cụ thể như sau:

- Hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử ứng viên tham gia HĐQT bao gồm:
 - Đơn đề cử/ứng cử tham gia HĐQT (theo mẫu gửi đính kèm);
 - Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu gửi đính kèm);
 - Bản sao y hợp lệ giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu của ứng viên;
 - Bản sao y hợp lệ bằng cấp, văn bằng chứng chỉ liên quan chứng minh trình độ chuyên môn của ứng viên;
 - Tài liệu chứng minh CĐ/nhóm CĐ nắm giữ tối thiểu 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa liên tục trong ít nhất 06 tháng tính tới thời điểm chốt danh sách CĐ tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019 (ngày 10/6/2019);
 - Tài liệu chứng minh ứng cử viên nắm giữ hoặc ứng cử viên đại diện cho CĐ nắm giữ tối thiểu 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa liên tục trong ít nhất 06 tháng tính tới thời điểm chốt danh sách CĐ tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 (ngày 10/6/2019).
- Hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử KSV bao gồm:
 - Đơn ứng cử/ đề cử KSV (theo mẫu gửi đính kèm);
 - Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu gửi đính kèm);
 - Bản sao y hợp lệ giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu của ứng viên;
 - Bản sao y hợp lệ bằng cấp, văn bằng chứng chỉ liên quan chứng minh trình độ chuyên môn của ứng viên;
 - Tài liệu chứng minh CĐ/nhóm CĐ nắm giữ số cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa liên tục trong ít nhất 06 tháng tính tới thời điểm chốt danh sách CĐ tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 (ngày 10/6/2019).



3. Ghi chú:

+ Trường hợp cổ phiếu đã lưu ký: CĐ cung cấp sao kê phát sinh chứng khoán từ công ty chứng khoán nơi CĐ mở tài khoản (kiểm tra thời gian).

+ Trường hợp cổ phiếu chưa lưu ký:

- Trường hợp CĐ đã nhận hoặc đổi Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần (phát hành ngày 01/12/2015): CĐ mang theo giấy chứng nhận cổ phần (bản chính) trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc bản sao y hợp lệ trong trường hợp nộp qua đường bưu điện;

- Trường hợp CĐ chưa lên Công ty nhận hoặc đổi Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần (phát hành ngày 01/12/2015): CĐ không cần thiết phải thực hiện việc chứng minh sở hữu tối thiểu 5% liên tục trong ít nhất 06 tháng.

+ Trường hợp cổ phiếu đang được cầm cố thế chấp:

- Trường hợp cổ phiếu đã được lưu ký trước khi cầm cố, thế chấp thì CĐ cung cấp bản sao kê từ công ty chứng khoán nơi CĐ mở tài khoản.

- Trường hợp cổ phiếu chưa lưu ký và đang cầm cố thế chấp thì CĐ cung cấp xác nhận từ tổ chức, đơn vị nhận cầm cố, thế chấp.

+ Các tài liệu chứng minh khác sẽ được Ban tổ chức kiểm tra tính hợp lệ trong từng trường hợp cụ thể.

4. Để thuận tiện cho công tác tổ chức Đại hội và chuẩn bị tài liệu bầu cử, khuyến nghị hồ sơ được gửi trực tiếp cho Ban tổ chức Đại hội (đại diện là bà Tăng Thị Minh Tân, thành viên HĐQT) từ 02 (hai) ngày làm việc trở lên trước khi khai mạc Đại hội, có xác nhận bằng văn bản của bà Tân; nếu gửi bằng bưu điện thì tính theo dấu đóng của bưu điện **đến** trên phong bì cũng trước từ 02 (hai) ngày làm việc trở lên.

Trường hợp CĐ/ nhóm CĐ không gửi kịp hồ sơ ứng cử/ đề cử theo thời hạn nêu trên, hồ sơ phải được gửi về Công ty trong thời gian sớm nhất ngay sau khi đã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đề cử/ ứng cử theo quy định tại mục 1, mục 2 của Thông báo này nhưng phải trước khi ĐHĐCĐ thông qua danh sách ứng viên.

Trân trọng thông báo.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT



Trần Thiên Kim



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

THẺ LỆ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT VIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa;

Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa.

I. Mục tiêu

1. Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam;
2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông (CD);
3. Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội.

II. Đối tượng thực hiện bầu cử

CD sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo ủy quyền của CD sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách CD chốt tại ngày 10/6/2019 có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thường niên Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa năm 2019 tổ chức ngày 28/6/2019.

III. Đối tượng thực hiện đề cử/ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) và Kiểm soát viên (KSV)

CD hoặc nhóm CD sở hữu cổ phần từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng trở lên được đề cử hoặc ứng cử vào HDQT.

CD hoặc nhóm CD sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử ứng viên vào Ban kiểm soát (BKS).

IV. Số lượng, nhiệm kỳ và điều kiện của ứng viên HDQT và BKS

1. Ứng cử viên HDQT:

a. Số lượng thành viên HDQT cần bầu: 02 thành viên.

b. Nhiệm kỳ thành viên HDQT: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2015-2019.

c. Tiêu chuẩn và điều kiện của ứng viên HĐQT (theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 36 Điều lệ Công ty, Điều 16 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty):

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014.
- Thành viên của HĐQT không được cùng là thành viên HĐQT của quá hai công ty cổ phần khác; thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp SXKD của Công ty.
- Có trình độ học vấn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.
- Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.
- Không thuộc đối tượng mà pháp luật cấm làm thành viên HĐQT.

2. Ứng cử viên BKS:

- a. Số lượng KSV cần bầu: 03 thành viên.
- b. Nhiệm kỳ KSV: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2015-2019.
- c. Tiêu chuẩn và điều kiện của ứng viên BKS (theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều 54 Điều lệ Công ty, Điều 29 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty):

- Là công dân Việt Nam, từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, phải có trình độ đại học, ưu tiên từ đại học chính quy chuyên ngành trở lên, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty, có ít nhất năm năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn; và:

- Không được là thành viên của HĐQT, Ban điều hành (BDH) của Công ty, không được là cha, mẹ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột hoặc người thân thuộc trực hệ ba đời của thành viên HĐQT, BDH của Công ty; và:

- Không giữ các chức vụ quản lý của Công ty; và:
- Không thuộc các trường hợp sau: (i) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; (ii) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước.

(Lưu ý: Đối với ứng viên được lựa chọn làm Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty sau khi đảm nhiệm chức vụ).

V. Phiếu bầu cử

1. Trước khi tiến hành bầu cử, khi đã xác định được danh sách ứng viên, Phiếu bầu cử (theo mẫu đính kèm) sẽ được phát cho CĐ/người được CĐ ủy quyền tham dự trực tiếp họp ĐHĐCĐ.



2. Trên phiếu bầu có in: Họ tên CĐ, mã số biểu quyết, *số cổ phần sở hữu* có quyền biểu quyết và *số phiếu bầu* tương ứng của CĐ đó, danh sách ứng viên đã được ĐHĐCĐ thông qua. Phiếu bầu có đóng dấu của Công ty.

3. Mỗi CĐ/người được CĐ ủy quyền tham dự Đại hội được phát một Phiếu bầu cử để bầu thành viên HĐQT và một Phiếu bầu cử để bầu KSV.

4. Phiếu bầu cử không hợp lệ khi:

a. Phiếu không theo mẫu quy định, không do Công ty phát hành hoặc không có dấu của Công ty; hoặc:

b. Phiếu bầu cử không có chữ ký và ghi rõ họ tên của CĐ hoặc người được CĐ ủy quyền; hoặc:

c. Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu dồn cho các ứng viên lớn hơn số phiếu bầu mà CĐ có; hoặc:

d. Phiếu viết thêm tên người ngoài danh sách ứng viên đã được ĐHĐCĐ thông qua; hoặc:

e. Phiếu ghi thêm các nội dung khác ngoài nội dung quy định trên phiếu bầu; hoặc:

f. Phiếu bầu cử có sự tẩy xóa, sửa chữa ở phần dành cho CĐ hoặc người được CĐ ủy quyền ghi khi thực hiện việc bầu cử (trừ trường hợp Thẻ lệ cho phép); hoặc:

g. Không thể hiện rõ ràng ý kiến của CĐ.

VI. Hình thức và phương thức bầu cử

1. Hình thức bầu: Bỏ phiếu kín. Các CĐ, người được CĐ ủy quyền tham dự trực tiếp họp ĐHĐCĐ bỏ phiếu tại cuộc họp vào thùng phiếu

2. Phương thức bầu: *Bầu dồn phiếu* theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ Công ty.

3. Danh sách ứng viên HĐQT và BKS được hình thành theo nguyên tắc sau: Dựa trên Đơn đề cử, ứng cử của các CĐ để lựa chọn các ứng cử viên HĐQT và BKS đáp ứng các tiêu chuẩn quy định trong Thẻ lệ này hoặc ứng viên do HĐQT đương nhiệm/BKS đương nhiệm đề cử trong trường hợp các ứng viên HĐQT/BKS thông qua đề cử và ứng cử của CĐ vẫn không đủ số lượng cần thiết; danh sách ứng viên HĐQT và BKS phải được ĐHĐCĐ thông qua.

4. Mỗi CĐ có tổng số phiếu bầu bằng tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT (02 thành viên) và BKS (03 thành viên). Theo đó, CĐ có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên với điều kiện tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên đó **không được vượt quá tổng số phiếu bầu của mình có.**



Cụ thể:

✓ **Đối với bầu HĐQT:**

Tổng số phiếu bầu của mỗi CĐ = Tổng số cổ phần sở hữu của CĐ x 2

✓ **Đối với bầu BKS:**

Tổng số phiếu bầu của mỗi CĐ = Tổng số cổ phần sở hữu của CĐ x 3

5. Cách thức ghi phiếu bầu cử:

- CĐ/người được CĐ ủy quyền lựa chọn bầu cho ứng viên nào thì ghi số lượng phiếu bầu vào ô kế bên tên ứng viên.
- CĐ/người được CĐ ủy quyền muốn chia đều số phiếu bầu của mình cho tất cả các ứng viên thì ghi số phiếu bầu vào ô tổng cộng. Trong trường hợp này, nếu số phiếu bầu sau khi chia đều sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Ví dụ: Tổng số phiếu bầu là 100, chia đều cho 6 ứng viên, mỗi ứng viên chỉ được 16 phiếu sau khi làm tròn số.
- CĐ/người được CĐ ủy quyền có quyền dồn toàn bộ phiếu bầu của mình cho một người; hoặc:
 - Dùng ít hơn tổng số phiếu mình có để thực hiện việc bầu cử; hoặc:
 - Có thể chia (*chia đều* hoặc *không đều*) số phiếu bầu cho các ứng viên;
 - CĐ/người được CĐ ủy quyền không bầu cho người nào thì bỏ trống ô phiếu bầu của người đó, trừ trường hợp chia đều số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên;
 - CĐ/người được CĐ ủy quyền ký tên và ghi rõ họ tên xác nhận vào ô chữ ký.
 - Trường hợp CĐ/người được CĐ ủy quyền muốn chỉnh sửa lại phiếu bầu do ghi nhầm, CĐ/người được CĐ vui lòng gạch chéo số phiếu bầu đã ghi nhầm và ghi lại số phiếu bầu mới ngay bên cạnh, ký tên.

6. Trường hợp được xem là không tham gia bầu cử:

CĐ/người được CĐ ủy quyền có tham dự đại hội mà không bỏ phiếu bầu cử thì số phiếu bầu của CĐ/người được CĐ ủy quyền đó được xem là không tham gia bầu cử.

VII. Ban kiểm phiếu (BKP), nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. BKP: BKP do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên BKP có thể không phải là CĐ nhưng không được là người có tên trong danh sách ứng viên HĐQT và BKS. BKP có một số trách nhiệm chính sau:

- a. Phát phiếu bầu cho CĐ/người được CĐ ủy quyền;
- b. Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các CĐ/người được CĐ ủy quyền;
- c. Tổ chức kiểm phiếu;
- d. Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước ĐHĐCĐ;



- e. Giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa;
 - f. Phải bảo đảm tính trung thực của việc kiểm phiếu, nếu sai phạm phải chịu trách nhiệm.
2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:
- a. BKP tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các CĐ/người được CĐ ủy quyền;
 - b. Việc bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu được hoàn tất và kết thúc khi CĐ/người được CĐ ủy quyền cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu hoặc sau 10 phút kể từ khi BKP thông báo bỏ phiếu lần cuối cùng, tùy theo điều kiện nào đến trước;
 - c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

VIII. Điều kiện trúng cử

1. Ứng viên trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp cho tới khi đủ số lượng cần bầu, nhưng phải đảm bảo tỷ lệ tối thiểu là 65% theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Tỷ lệ phiếu bầu được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ phiếu bầu} = \frac{\text{Tổng số phiếu được bầu cho ứng viên}}{\text{Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các CĐ dự họp tại Đại hội}}$$

2. Trường hợp bầu lần thứ nhất chưa đủ số lượng cần bầu thì tiếp tục bầu lần hai để lựa chọn trong số còn lại của danh sách ứng viên. Nếu bầu lần hai vẫn chưa đủ thì việc có tiếp tục bầu cử nữa hay không do Đại hội quyết định, quyết định này không ảnh hưởng đến hiệu lực và kết quả bầu lần thứ nhất và lần thứ hai nêu trên.

3. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên có cùng số phiếu bầu cho thành viên cuối cùng của HĐQT/BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn và khi đó người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.

Nếu bầu lần hai vẫn bằng nhau thì ĐHĐCĐ quyết định việc tiếp tục bầu cử, đưa ra tiêu chí lựa chọn ứng viên tại Đại hội hoặc chấm dứt bầu cử mà không có ứng viên được chọn. Quyết định này không ảnh hưởng đến hiệu lực và kết quả bầu các ứng viên trước đó.

IX. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019. Mọi khiếu nại phát sinh sau Đại hội sẽ không được xem xét giải quyết.



X. Hiệu lực thi hành

1. Thê lệ bầu cử này được đọc công khai trước ĐHĐCĐ và lấy ý kiến biểu quyết của các CĐ trước khi tiến hành bầu cử.

2. Nếu được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ từ 65% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả CĐ dự họp trở lên, Thê lệ bầu cử này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả CĐ.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XÁ

PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN HĐQT

MÃU

Tên cổ đông: XYZ

Mã số biểu quyết: XXX

Số cổ phần sở hữu: xxx cổ phần

Số phiếu bầu tương ứng = số cổ phần sở hữu x 2 = xxx phiếu

Bầu cho:

1. Nguyễn Văn A

.....phiếu

2. Trần Văn B

.....phiếu

.....phiếu

Tổng cộng:

.....phiếu

Chữ ký xác nhận của cổ đông/
người được cổ đông ủy quyền:

Ngày 28 tháng 6 năm 2019

Lưu ý:

- Tổng số phiếu bầu không được vượt quá số phiếu bầu tương ứng mà cổ đông có.
- Cổ đông/người được cổ đông ủy quyền bầu cho ứng viên nào bao nhiêu phiếu thì ghi số phiếu bầu vào ô kế bên tên ứng viên; trường hợp cổ đông/người được cổ đông ủy quyền chỉ ghi số phiếu vào ô tổng cộng thì số phiếu đó sẽ được chia đều cho tất cả các ứng viên.
- Trường hợp cổ đông/người được cổ đông ủy quyền muốn chỉnh sửa lại phiếu bầu do ghi nhầm, quý cổ đông vui lòng gạch chéo số phiếu bầu đã ghi nhầm và ghi lại số phiếu bầu mới ngay bên cạnh, ký tên. Không được tẩy xóa, bôi bẩn.
- Nếu cổ đông không rõ về cách điền Phiếu bầu, vui lòng liên hệ với Ban kiểm phiếu để được hướng dẫn.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XÁ**



PHIẾU BẦU KIỂM SOÁT VIÊN

Tên cổ đông: XYZ

Mã số biểu quyết: XXX

Số cổ phần sở hữu: xxx cổ phần

Số phiếu bầu tương ứng = số cổ phần sở hữu x 3 = xxx phiếu

Bầu cho:

1. Nguyễn Văn A

2. Trần Văn B

3. Phạm Văn C

Tổng cộng:

Ngày 28 tháng 6 năm 2019

Chữ ký xác nhận của cổ đông/
người được cổ đông ủy quyền:

Lưu ý:

- Tổng số phiếu bầu không được vượt quá số phiếu bầu tương ứng mà cổ đông có.
- Cổ đông/người được cổ đông ủy quyền bầu cho ứng viên nào bao nhiêu phiếu thì ghi số phiếu bầu vào ô kế bên tên ứng viên; trường hợp cổ đông/người được cổ đông ủy quyền chỉ ghi số phiếu vào ô tổng cộng thì số phiếu đó sẽ được chia đều cho tất cả các ứng viên.
- Trường hợp cổ đông/người được cổ đông ủy quyền muốn chỉnh sửa lại phiếu bầu do ghi nhầm, quý cổ đông vui lòng gạch chéo số phiếu bầu đã ghi nhầm và ghi lại số phiếu bầu mới ngay bên cạnh, ký tên. Không được tẩy xóa, bôi bẩn.
- Nếu cổ đông không rõ về cách điền Phiếu bầu, vui lòng liên hệ với Ban kiểm phiếu để được hướng dẫn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

....., ngày ... tháng ... năm 2019

**ĐƠN ỨNG CỬ/ ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA**

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Tôi/ Chúng tôi là cổ đông/ nhóm cổ đông của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa sở hữu cổ phần tương ứng với%¹ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng (*theo danh sách đính kèm ở mặt sau*) tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (ngày 10/06/2019).

Sau khi tham khảo Điều lệ, Thể lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa, Tôi/Chúng tôi đề nghị ứng cử/đề cử ứng viên tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa (*nhiệm kỳ: thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2015 – 2019*) như sau:

Người ứng cử/ được đề cử:

Họ và tên:

CMND/ CCCD/ Hộ chiếu số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

(Tài liệu liên quan đến ứng viên được đính kèm như liệt kê bên dưới)

Tôi/Chúng tôi cam kết ứng viên đáp ứng đầy đủ các điều kiện của ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định.

Tôi/Chúng tôi cam kết đáp ứng đủ điều kiện ứng cử/ đề cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ứng cử/đề cử này.

Trân trọng.

Nơi nhân:

- Như trên

Đính kèm:

- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên;
- Bằng chứng sở hữu cổ phần liên tục ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ thường niên;
- Bản sao y hợp lệ của CMND/CCCD/Hộ chiếu của ứng cử viên;
- Bằng cấp, văn bằng chứng chỉ liên quan chứng minh trình độ chuyên môn của ứng viên.

Cổ đông/ Đại diện nhóm cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức))

¹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử hoặc ứng cử người vào Hội đồng quản trị.

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ỨNG CỬ/ĐỀ CỬ
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA**

(Đối với ứng cử viên:)

TT	Tên cổ đông (nếu ứng cử. đề cử thông qua người được ủy quyền thì ghi thêm tên người được ủy quyền bên dưới)	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ MSDN, ngày và nơi cấp	Mã số biểu quyết (*)	Số lượng cổ phần SHX sở hữu (**)	Chữ ký và đóng dấu (***)
VD	Công ty A (Nguyễn Văn B)	QĐTL của A: ... Ngày cấp: Nơi cấp: (CMND của B: ...ngày cấp: ... nơi cấp: ...)			
01		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
02		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
03		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
04		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
05		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
06		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
07		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
08		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
09		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
10		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
11		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
12		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
Tổng					

Ghi chú:

(*): Mã số biểu quyết: là mã số Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa cấp cho cổ đông trên Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

(**): Số lượng cổ phần Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa mà cổ đông nắm giữ trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng tính tới thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 (ngày 10/06/2019).

(***): Đóng dấu đối với cổ đông tổ chức.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

....., ngày ... tháng ... năm 2019

ĐƠN ỨNG CỬ/ ĐỀ CỬ
KIỂM SOÁT VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Tôi/ Chúng tôi là cổ đông/ nhóm cổ đông của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa có cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng (*theo danh sách đính kèm ở mặt sau*) tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (ngày 10/06/2019).

Sau khi tham khảo Điều lệ, Thông báo đề cử/ứng cử Kiểm soát viên, Thê lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa, Tôi/ Chúng tôi đề nghị ứng cử/ đề cử ứng viên tham gia vào Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa (*nhệm kỳ: thời hạn còn lại của nhệm kỳ 2015 – 2019*) như sau:

Người ứng cử/ được đề cử:

Họ và tên:

CMND/ CCCD/ Hộ chiếu số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

(Tài liệu liên quan đến ứng viên được đính kèm như liệt kê bên dưới)

Tôi/ Chúng tôi cam kết ứng viên đáp ứng đầy đủ các điều kiện của ứng viên Ban kiểm soát theo quy định.

Tôi/ Chúng tôi cam kết đáp ứng đủ điều kiện ứng cử/ đề cử ứng viên tham gia Ban kiểm soát và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ứng cử/ đề cử này.

Trân trọng.

Nơi nhân:

- Như trên

Đính kèm:

- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên;
- Bảng chứng sở hữu cổ phần liên tục ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ thường niên;
- Bản sao y hợp lệ của CMND/ CCCD/ Hộ chiếu của ứng cử viên;
- Bảng cấp, văn bằng chứng chỉ liên quan chứng minh trình độ chuyên môn của ứng viên.

Cổ đông/ Đại diện nhóm cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức))

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ỨNG CỬ/ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN
THAM GIA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA**

(Đối với ứng cử viên:)

TT	Tên cổ đông <i>(nếu ứng cử, đề cử thông qua người được ủy quyền thì ghi thêm tên người được ủy quyền bên dưới)</i>	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ MSDN, ngày và nơi cấp	Mã số biểu quyết (*)	Số lượng cổ phần SHX số hữu (**)	Chữ ký và đóng dấu (***)
VD	Công ty A <i>(Nguyễn Văn B)</i>	MSDN của A: ... Ngày cấp: Nơi cấp: <i>(CMND của B: ...ngày cấp: ... nơi cấp: ...)</i>			
01		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
02		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
03		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
04		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
05		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
06		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
07		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
08		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
09		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
10		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
11		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
12		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
Tổng					

Ghi chú:

(*): Mã số biểu quyết: là mã số Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa cấp cho cổ đông trên Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

(**): Số lượng cổ phần Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa mà cổ đông nắm giữ trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng tính tới thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 (ngày 10/06/2019).

(***): Đóng dấu đối với cổ đông tổ chức.

13. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ các chức danh quản lý khác:

Thời gian	Công ty	Chức vụ

14. Sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân:... cổ phiếu, tương đương ...% vốn điều lệ;
- Đại diện sở hữu (Đại diện cho.....):... cổ phiếu, tương đương ...% vốn điều lệ;
- Sở hữu của người có liên quan với ứng viên (liệt kê nếu có): ...

15. Lợi ích có liên quan đối với Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa (nếu có):

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đầy đủ, chính xác, hợp lý, đúng sự thật và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát quy định trong Thể lệ bầu cử thành viên HĐQT, Kiểm soát viên của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Tôi cam kết nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên, tôi sẽ thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, tận tâm vì lợi ích cao nhất của Công ty và đem hết năng lực, tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

....., ngày tháng năm 2019

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa;
- Căn cứ các nội dung trong Báo cáo, Tờ trình đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019 ngày 28/6/2019;
- Căn cứ kết quả biểu quyết, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Kiểm soát viên (KSV) tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 ngày 28/6/2019,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Điều lệ Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa (bản đính kèm)/Thông qua việc sửa đổi Điều lệ như sau:

Khoản 1 Điều 38 sửa đổi như sau: “HĐQT có năm thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra. Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014”.

Khoản 1 Điều 53 sửa đổi như sau: “Là tổ chức do ĐHĐCĐ bầu ra theo phương thức bầu dồn phiếu. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014”.

Thời điểm hiệu lực: Ngay khi được thông qua và được áp dụng ngay tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

Các nội dung sửa đổi này sẽ được cập nhật tương ứng vào Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty hiện hành.

Điều 2. Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 với các chỉ tiêu như sau:

- Doanh thu: 201.822.660.537đ

- Lợi nhuận (LN) trước thuế: 1.964.881.847đ
- LN sau thuế: 1.487.530.274đ

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc.

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT.

Điều 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS).

Điều 6. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán

Điều 7. Thông qua Kế hoạch năm 2019:

a. Kế hoạch SXKD

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Ghi chú
1	Doanh thu	64.000.000.000đ	
2	Lợi nhuận (LN) trước thuế	700.000.000đ	
3	LN sau thuế	560.000.000đ	

b. Kế hoạch đầu tư, sửa chữa:

Stt	Danh mục	Kinh phí	Ghi chú
1	Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị cho Biệt thự 7, Biệt thự 9 Khách sạn Đường sắt Đà Lạt	223.000.000đ	
2	Sửa chữa và cơi nới khu vực nhà vệ sinh Nhà hàng Cà Ná Quán – Khách sạn Cà Ná.	350.000.000đ	

Điều 8. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

LN sau thuế năm 2018: 1.487.530.274đ

LN này được phân phối như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển (tương đương 86% LN thực tế): 1.279.276.036đ
- Quỹ khen thưởng (tương đương 7% LN thực tế): 104.127.119đ
- Quỹ phúc lợi (tương đương 7% LN thực tế): 104.127.119đ

Do tình hình về vốn kinh doanh, đầu tư khó khăn, nên phần dự định để chia cổ tức sẽ được để lại và đưa vào Quỹ đầu tư phát triển.

Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi được giao cho HĐQT quyết định và chỉ đạo việc sử dụng theo đúng quy định của pháp luật để chi cho các khoản khen thưởng, phúc lợi.

Các mục phân phối trên đã làm tròn số, số tiền lẻ được đưa vào Quỹ đầu tư phát triển.

Điều 9. Thông qua thù lao của HĐQT và lương, thù lao của BKS như sau:

1. Thù lao của HĐQT:

- Chủ tịch HĐQT: 7.000.000 đ/tháng;
- Thành viên HĐQT: 5.000.000 đ/tháng/người

2. Lương và thù lao BKS:

a. Trưởng BKS:

- Lương chuyên trách: 19.000.000 đ/tháng;
- Phụ cấp cho các ngày lễ tết: 01 tháng lương chuyên trách/năm
- Lợi ích khác: Theo mức chung của người lao động tại Văn phòng Công ty.

b. Thành viên BKS:

- Thù lao: 4.000.000 đ/tháng/người.

3. Mức lương, thù lao này được áp dụng kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua cho tới khi có quyết định khác của ĐHĐCĐ.

Điều 10. Phê chuẩn đơn vị kiểm toán độc lập sau đây để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Điều 11. Thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty như sau:

a. Miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT kể từ ngày 28/6/2019 đối với:

- Bà Lưu Thị Lê – Thành viên HĐQT
- Bà Tăng Thị Minh Tân – Thành viên HĐQT

b. Bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT với nhiệm kỳ là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2015-2019.

Điều 12. Công nhận kết quả trúng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT như sau:

- Ông/bà:...
- Ông/bà...

Nhiệm kỳ: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2015-2019.

Điều 13. Thông qua việc miễn nhiệm tư cách KSV và bầu bổ sung KSV Công ty như sau:

a. Miễn nhiệm tư cách KSV kể từ ngày 28/6/2019 đối với:

- Bà Huỳnh Thị Đào – Trưởng BKS
- Bà Lữ Thị Tiên – KSV
- Ông Lê Nguyễn Thanh Tuấn – KSV

b. Bầu bổ sung 03 KSV với nhiệm kỳ là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2015-2019.

Điều 14. Công nhận kết quả trúng cử bầu bổ sung KSV như sau:

- Ông/bà: ...

- Ông/bà: ...

- Ông/bà: ...

Nhiệm kỳ: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2015-2019.

Điều 15. Giao cho HĐQT triển khai, tổ chức, chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 16. Giao cho BKS giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chủ tọa

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;

- CĐ;

- Lưu: VP HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XÁ

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
(Đính kèm Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019)

2019

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa được lập và ban hành trên cơ sở Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản pháp luật có liên quan, là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Các Quy chế, quy định của Công ty, các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này, sẽ là cơ sở ràng buộc để Công ty tiến hành các hoạt động quản lý, kinh doanh.

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sài Gòn Hòa xa đã nhất trí thông qua và cam kết thực hiện nội dung của bản Điều lệ này; *đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ 7 so với bản Điều lệ tại Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 12/11/2004 của Công ty.*

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 28 tháng 6 năm 2019.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e. "Ban điều hành" ("người điều hành doanh nghiệp") là Tổng giám đốc, các Giám đốc khối nghiệp vụ và Kế toán trưởng được Hội đồng quản trị bổ nhiệm làm Ban điều hành Công ty;

f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;

g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;

h. "Việt Nam" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

i. "Người quản lý doanh nghiệp" được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

j. "Thành viên Hội đồng quản trị" không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám

đốc, Kế toán trưởng và các Giám đốc khối nghiệp vụ.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **SAIGON TRAIN JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **STJC**

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (028) 3837 7660

- Fax: (028) 3836 9031

- E-mail: info@saigonhoaxa.com.vn

- Website: www.saigonhoaxa.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày ghi trong quyết định chuyển thể từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần của cấp có thẩm quyền và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA Công ty

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Công ty hiện đang kinh doanh các ngành nghề sau:
 - Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ khác;
 - Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
 - Dịch vụ chăm sóc cá nhân và dịch vụ chăm sóc cá nhân khác;
 - Kinh doanh lễ hành nội địa và lễ hành quốc tế;
 - Kinh doanh hàng nội thương;
 - Mua, bán phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và thiết bị xây dựng công trình, xếp dỡ;
 - Kinh doanh nông sản, lâm sản, thủy sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và tiêu dùng;
 - Kinh doanh rượu, bia và nước giải khát các loại;
 - Đại lý xăng dầu;
 - Xuất, nhập khẩu hàng hoá;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Kinh doanh vận tải hàng, khách;
 - Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng;
 - Đại lý bán vé máy bay, tàu hoả;
 - Dịch vụ quảng cáo;
 - Dịch vụ bưu phẩm;
 - Đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
 - Nuôi thủy sản;
 - Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, chuẩn bị mặt bằng;
 - Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
 - Dịch vụ chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây chảy máu);
 - Mua bán hóa mỹ phẩm, hàng công nghệ phẩm, thực phẩm chế biến;
 - Chế biến nông sản;
 - Sản xuất đồ gỗ (trừ chế biến gỗ);
 - Cho thuê nhà, xưởng;
 - Dịch vụ Karaoke;
 - Bán buôn sắt, thép, tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
 - Giáo dục tiểu học;
 - Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;

- Giáo dục nghề nghiệp;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Đào tạo cao đẳng;
- Giáo dục thể thao và giải trí ;
- Giáo dục văn hóa nghệ thuật;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh trên đất hiện hữu của Công ty;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải – chi tiết: Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hoá đường biển và hàng không.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty.

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh như: Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, chuẩn bị mặt bằng, nuôi thủy sản; về dịch vụ: khách sạn, nhà hàng, du lịch, kinh doanh bất động sản, kinh doanh vận tải hành khách, kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty. Công ty luôn tôn trọng và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho cổ đông, đồng thời khẳng định trách nhiệm đối với xã hội; Công ty hoạt động theo hướng đa ngành, luôn tìm kiếm và chọn lọc hướng phát triển thích hợp, không ngừng tìm giải pháp tăng năng suất, sản phẩm mới và tăng thu nhập phục vụ xã hội và lợi ích cổ đông.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 17.200.000.000 đồng (Mười bảy tỷ hai trăm triệu đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.720.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, quốc tịch, số lượng cổ phần, loại cổ phần, mệnh giá cổ phần từng loại và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là hợp lý, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá hoặc Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác theo quy định khoản 3 Điều 124 Luật Doanh nghiệp.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Nội dung đề nghị và việc đăng thông báo theo quy định khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy ngày) kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 20% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, kiểm tra, tra cứu, sao và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và

thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 34 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 114 và khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Xem xét và trích lục biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát theo điểm b khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.
2. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức theo khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính (nếu được Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn) theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan theo khoản 4 Điều 8 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì trách nhiệm và thiệt hại phát sinh xử lý theo khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau theo khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên.

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Quyết định mức cổ tức hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Phê chuẩn Công ty kiểm toán độc lập theo đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát theo khoản 1 Điều 22 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Thù lao và các quyền lợi khác của từng thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- g. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- h. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- i. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

j. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

k. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

l. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại theo quy định;

m. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và điểm b khoản 4 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐ-CP với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

n. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, thành viên Ban điều hành và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác điểm a khoản 4 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

o. Quyết định phương án phân phối, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và cách thức sử dụng quỹ, trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do HĐQT quyết định cách thức sử dụng quỹ;

p. Quyết định phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và các nội dung về loại trái phiếu phát hành, số lượng phát hành, thời hạn trái phiếu, lãi suất trái phiếu...;

q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm m khoản 2 Điều này khi cổ đông đó có lợi ích liên quan;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

5. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho các đối tượng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc

thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Người được các đối tượng nói trên ủy quyền dự họp theo khoản 1 khoản 2 Điều này không được ủy quyền lại cho người khác. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần.

Cổ đông là tổ chức có thể ủy quyền tối đa cho một người làm đại diện theo ủy quyền.

Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện tại khoản 5 Điều 15 Luật Doanh nghiệp và đồng thời phải có đủ năng lực pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức không được ủy quyền cho người khác trừ trường hợp ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền và nội dung văn bản chỉ định người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo khoản 4 Điều 15 Luật Doanh nghiệp.

Người được ủy quyền phải có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các quyền khác của một đại biểu dự họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ theo quy định pháp luật;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên theo điểm đ khoản 7 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty theo khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có nội dung theo khoản 1 Điều 139 Luật Doanh nghiệp: Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, Các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Công ty đại chúng phải công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ

phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp có quyền hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ

đồng, lập danh sách cổ đông đăng ký dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Đại biểu đương nhiên dự Đại hội đồng cổ đông là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết cho những vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có quyền tiến hành các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có quyền hoãn cuộc họp đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền theo khoản 7 Điều 142 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

i. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

ii. Định hướng phát triển Công ty;

iii. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

iv. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

v. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;

vi. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

vii. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành.

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi thông báo nghị quyết này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Công ty phải công bố thông tin về quyết định của Đại hội đồng cổ đông bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) theo quy định pháp luật.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trước thời điểm kiểm phiếu/ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Công ty phải công bố thông tin về quyết định của Đại hội đồng cổ đông bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) theo quy định pháp luật.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và nếu có tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Công ty phải công bố thông tin bất thường về quyết định của Đại hội đồng cổ đông bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) theo quy định pháp luật.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 (sáu mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40 % được đề cử được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70 % được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên...nếu cổ đông có số cổ phần hoặc nhóm cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền gấp nhiều lần tỷ lệ 10 % trên thì người đó được đề cử thêm số ứng viên tương ứng.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác;

- Thành viên của Hội đồng quản trị không được cùng là thành viên Hội đồng quản trị của quá hai Công ty cổ phần khác; thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh của Công ty.

b. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành theo quy định khoản 2 Điều 13 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

3. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Miễn nhiệm:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp;

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Có đơn từ chức;

b. Bãi nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc thay đổi, bổ nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, thành viên Ban điều hành và quyết định tiền lương và quyền lợi khác của họ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

c. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và thành viên Ban điều hành trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

e. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, việc thành lập hay giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

f. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

g. Xây dựng quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 71/2017/NĐ-CP. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

h. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

i. Đề xuất mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

j. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

k. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

- l. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu;
 - m. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - o. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;
 - p. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - q. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - r. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
 - s. Quản trị Công ty theo Điều lệ; nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ đúng luật pháp;
 - t. Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông: Các báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận;
 - u. Thực hiện việc trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Hội đồng quản trị quyết định cách thức sử dụng quỹ;
 - v. Quyết định một số công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo đề nghị của Tổng giám đốc;
 - x. Quyết định việc đầu tư và quan hệ quốc tế;
 - y. Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - z. Phê duyệt phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật trong thẩm quyền theo quy định các quy chế quản trị nội bộ của Công ty;
 - aa. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị;
 - bb. Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, những sai phạm trong quản trị do mình gây ra thiệt hại cho Công ty;
 - cc. Xem xét và ủy quyền cho Tổng giám đốc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty;
 - dd. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
- b. Thành lập các Công ty con của Công ty;
- c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
- d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;
- e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh vượt quá 1 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư thuộc kế hoạch kinh doanh vượt quá 10% giá trị kế hoạch kinh doanh hàng năm;
- f. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải là tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;
- g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài theo phân cấp tại (theo phân cấp của Quy chế Tài chính hiện hành);
- h. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 (mười hai) tháng;
- i. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

5. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

6. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và tiền thưởng. Thù lao được tính theo tháng. Mức thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b. Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người lao động của Công ty thì được hưởng lương và các quyền lợi khác như người lao động khác của Công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ cụ thể được giao theo biên bản/ng nghị quyết của Hội đồng quản trị;

d. Tổng giám đốc được trả tiền lương và tiền thưởng. Tiền lương, tiền thưởng, quyền lợi khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao, các lợi ích và mọi chi phí hoạt động khác của Hội đồng quản trị như chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí hợp lý khác và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác theo khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị, chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10) mười ngày.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường

hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tuyển dụng thư ký chuyên trách để thực hiện các việc mang tính tổng hợp, phân tích số liệu, tài liệu, làm công việc hành chính, ghi biên bản và các công việc khác của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị và chủ trì.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong số các đối tượng được quy định tại khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- c. Ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên chậm nhất 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho thành viên HĐQT khác dự họp và phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết.

a. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch mà thành viên đó có lợi ích liên quan.

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp.

16. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

17. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

18. Chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Ban điều hành gồm Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên Ban điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp

1. Hội đồng quản trị có quyền tuyển dụng người trong Ban điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Tổng giám đốc có quyền đề xuất tuyển dụng thành viên khác trong Ban điều hành để Hội đồng quản trị xem xét quyết định. Thành viên Ban điều hành phải có trách nhiệm mãn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; các thành viên khác trong Ban điều hành có trách nhiệm giúp việc cho Tổng giám đốc theo từng khối nghiệp vụ và công việc được phân công. Thành viên Ban điều hành chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao hoặc phân công. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc và nhiệm kỳ của các cán bộ khác trong Ban điều hành theo quyết định cụ thể của Hội đồng quản trị.

3. Tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng lao động với thành viên Ban điều hành do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

4. Việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng lao động trong đó quy định tiền lương và lợi ích khác.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

c. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, và các loại hợp đồng khác theo luật định, theo Điều lệ Công ty và Quy chế Tài chính do Hội đồng quản trị ban hành, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

d. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

f. Kiến nghị người điều hành khác của doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành khác để Hội đồng quản trị quyết định;

g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

h. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ công nhân viên dưới quyền và phê duyệt phương án tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị trực thuộc theo Quy chế Tổ chức do Hội đồng quản trị ban hành;

i. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

j. Tuyển dụng người lao động theo phân cấp;

k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty;

l. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị;

o. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch hàng năm, kế hoạch trung hạn và kế hoạch dài hạn;

p. Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm (trừ những sản phẩm dịch vụ do Nhà nước quy định);

q. Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất;

r. Quyết định và thực hiện những vấn đề về tài chính theo Quy chế tài chính do Hội đồng quản trị ban hành;

s. Được đề nghị Hội đồng quản trị khen thưởng, kỷ luật các chức danh: Giám đốc nghiệp vụ, Kế toán trưởng, trừ những trường hợp Hội đồng quản trị cần thực hiện trực tiếp;

t. Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;

u. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố khẩn cấp... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;

v. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

7. Khi Tổng giám đốc muốn từ chức, từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và giải quyết. Khi thôi chức vụ, Tổng giám đốc phải bàn giao đầy đủ công việc cho người kế nhiệm mình.

8. Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Chết;
- Tự ý bỏ nhiệm sở theo quy định của Bộ luật Lao động;
- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc ;

- Không được Hội đồng quản trị bổ nhiệm lại;
- Bị miễn nhiệm bởi Hội đồng quản trị;
- Hợp đồng lao động hết hạn mà không gia hạn hoặc theo thỏa thuận tại hợp đồng lao động.

9. Trường hợp Tổng giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

10. Tổng giám đốc Công ty có thể ủy nhiệm cho các Giám đốc nghiệp vụ hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình; khi Tổng giám đốc đi vắng, Tổng giám đốc được phép ủy quyền cho một trong các Giám đốc nghiệp vụ thay mặt mình điều hành công việc Công ty.

Người được Tổng giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.

Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến kinh doanh, tài chính, con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Các Giám đốc nghiệp vụ, Kế toán trưởng, các trưởng phòng, ban, Giám đốc chi nhánh trong Công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các nhân viên cấp dưới của mình theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty và pháp luật về sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 35. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 (ba) người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra hoặc bãi miễn. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một 01 (một) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

6. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

7. Việc thay đổi, bổ nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 36. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau theo Điều 22 Nghị định 71/2017/NĐ-CP:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d và đ khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp và Điều 10 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số Kiểm soát viên trở lên dự họp theo khoản 1 Điều 23 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

4. Thù lao, lương, lợi ích khác và các chi phí hoạt động của Kiểm soát viên được thực hiện theo Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, nhằm đảm bảo lợi ích tối đa của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới cổ đông là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này; cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, cụ thể như sau:

a. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại điểm a khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

6. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 5 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc, có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

7. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu trữ các tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Doanh nghiệp tại trụ sở chính; thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các

chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 năm đó. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày

cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm đó

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), phải được công bố theo quy định pháp luật.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN Công ty

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 03 (ba) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

1. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp.

2. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

4. Theo quyết định của Tòa án theo quy định tại Điều 203 Luật Doanh nghiệp.

5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý

thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 54 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa nhất trí thông qua ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại Khách sạn Liberty SaiGon ParkView, 265 Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. 01 (một) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. 05 (năm) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. 04 (bốn) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật ./.

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA Công ty .	2
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	2
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	4
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	5
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	6
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	6
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	6
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	7
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	7
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	7
Điều 12. Quyền của cổ đông	7
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	8
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	13
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	22
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	24

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.....	26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	28
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH	31
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	31
Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp	31
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc..	31
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	34
Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	34
Điều 35. Kiểm soát viên.....	34
Điều 36. Ban kiểm soát	35
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	36
Điều 37. Trách nhiệm cần trọng.....	36
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	38
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	38
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	38
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	38
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn	38
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	39
Điều 42. Phân phối lợi nhuận.....	39
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	39
Điều 43. Tài khoản ngân hàng	39
Điều 44. Năm tài chính	39
Điều 45. Chế độ kế toán.....	40
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	40
Điều 46. Báo cáo tài chính năm	40
Điều 47. Báo cáo thường niên.....	40
XVI. KIỂM TOÁN Công ty.....	40
Điều 48. Kiểm toán	40
XVII. CON DẤU	41
Điều 49. Con dấu.....	41
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	41
Điều 50. Chấm dứt hoạt động	41

Điều 51. Thanh lý.....	41
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	42
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ	42
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	42
Điều 53. Điều lệ Công ty.....	42
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	43
Điều 54. Ngày hiệu lực.....	43

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CP	Loại CP	Mệnh giá (đ/CP)
1	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	118 Lê Duẩn, Tp. Hà Nội	Việt Nam	51.600	Phổ thông	100.000
2	Đỗ Văn Trang	86 Nguyễn Thông, P.9 Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	320	Phổ thông	100.000
3	Nguyễn Thủy Lưu	65/1 Tân Hưng, P.12 Q.5, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	871	Phổ thông	100.000
4	Mai Đình Võ	57 Trần Nhật Duật, P. Tân Định, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
5	Nguyễn Lan Phương	41 Nguyễn Thượng Hiền, Q.Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	300	Phổ thông	100.000
6	Cao Hữu Sơn	57 Trần Nhật Duật, P. Tân Định, Q.1 Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	471	Phổ thông	100.000
7	Đào Văn An	257 Đại lộ 3, P.Phước Bình, Q.9, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
8	Huỳnh Thị Bộ	351/22 Ng. Trọng Tuyển, P.1, Q. Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	290	Phổ thông	100.000
9	Lưu Ngọc Xanh	5A Lê Minh Xuân, P.7 Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	240	Phổ thông	100.000
10	Nguyễn Ngọc Bích	04 Cư xá Lý Thái Tổ, P.1, Q.3 Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	270	Phổ thông	100.000
11	Nguyễn Thuận	217 Cư xá Lý Thái Tổ, P.1, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
12	Nguyễn Trọng Huân	12B Trần Phú Huyện Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
13	Lê Nguyễn Thanh Tuấn	1412/1A KP.1, P.An Phú Đông,Q.12, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
14	Trịnh Hồng Diệp	Xã Mỹ Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hoá	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
15	Đoàn Thị Kiều Uyên	55 Vũ Chí Hiếu, P13, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
16	Phương Thị Thu Hà	285/Q1A, CMT8, P.12, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
17	Phù Quang Khanh	40 Nguyễn Trường Tộ, P.12 Q.4, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	280	Phổ thông	100.000
18	Lưu Thị Lê	130/20 CMT8 P.10 Q.3 TP.Hồ Chí Minh	Việt Nam	487	Phổ thông	100.000
19	Nguyễn Phúc Hậu	78/1 Trần Nhân Tôn, P.2, Q.10, TP.Hồ Chí Minh	Việt Nam	2.297	Phổ thông	100.000
20	Lương Chí Vĩ	322 lô C, CC Lý Thường Kiệt, P7, Q.11 Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	503	Phổ thông	100.000
21	Nguyễn Hoàng Sơn	528/7A Phạm Văn Chí, P8, Q.6, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	631	Phổ thông	100.000
22	Nguyễn Minh Đức	Xã Bình Trưng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Việt Nam	283	Phổ thông	100.000
23	Nguyễn Thanh Phong	16/16 Bùi V. Ba, P. Tân Thuận Đông, Q.7, Tp. Hồ Chí Minh	Việt Nam	1.499	Phổ thông	100.000
24	Nguyễn Thị Thanh Mai	289/108 Trần Hưng Đạo, P.Cô Giang, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	2.371	Phổ thông	100.000
25	Phạm Kim Liên	174/10 Lý Chính Thắng, P7, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	1.742	Phổ thông	100.000
26	Phạm Quan Liêm	5A Lê Minh Xuân, P7, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	1.863	Phổ thông	100.000
27	Vũ Hữu Vĩnh	95/50 Huỳnh V. Bánh, P.17, Q.PNhuận, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	110	Phổ thông	100.000
28	Nguyễn Thanh Minh	339/2 Ng. Thái Bình, P.12 Q.Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Việt Nam	592	Phổ thông	100.000
29	Trần Trọng Hưng	132/1B/A2 Tô Hiến Thành, P15, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	625	Phổ thông	100.000
30	Phạm Trí Dũng	46 Hoàng An, Trung Phụng, Tp. Hà Nội	Việt Nam	485	Phổ thông	100.000
31	Phạm Như Hồng	12B Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
32	Ngô Sơn Thịnh	Ấp 2, Xã Phú An, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang	Việt Nam	400	Phổ thông	100.000

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CP	Loại CP	Mệnh giá (đ/CP)
33	Khiếu Quang Lân	09-011 Lô 11 CXThanh Đa, P.27, Q. B.Thạnh, Tp.HCM	Việt Nam	220	Phổ thông	100.000
34	Lê Đức Thịnh	124 Đoàn Văn Bơ, P9, Q.4 Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	931	Phổ thông	100.000
35	Cao Hữu Triều	Xã Nhân Bình, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam	Việt Nam	195	Phổ thông	100.000
36	Hoàng Thị Thanh Thuý	154 Cao Thắng, Tp.Hải Phòng	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
37	Lê Thị Lệ Nga	110D Lê Lai, P.3, Q.Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	391	Phổ thông	100.000
38	Lương Ngọc Liên	53 Lý Thường Kiệt, P.4, Q.Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	542	Phổ thông	100.000
39	Lương Trung Việt	563/37 Nguyễn Đình Chiểu, P2, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	126	Phổ thông	100.000
40	Nguyễn Minh Tuấn	136 CMT8, P.10, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	429	Phổ thông	100.000
41	Nguyễn Thanh Trung	3A Trần Văn Kỳ, P14, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	308	Phổ thông	100.000
42	Nguyễn Thế Tụng	45/21 Nghĩa Phát, P.6, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	200	Phổ thông	100.000
43	Nguyễn Thị Hồng	Xã Bình Minh, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá	Việt Nam	161	Phổ thông	100.000
44	Nguyễn Thị Liêm	143 Bùi Viện, P.Phạm Ngũ Lão, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	150	Phổ thông	100.000
45	Nguyễn Văn Hùng	157/29 Trần Văn Đàng, P.11, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
46	Nguyễn Xuân Tinh	57 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	499	Phổ thông	100.000
47	Nguyễn Thị Xuân Tình	136 CMT8, P.10, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
48	Đỗ Đức Dũng	216 Võ Thị Sáu, P.12 Q3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	70	Phổ thông	100.000
49	Phạm Hữu Chính	351/13 Ng.Trọng Tuyển, P.1 Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
50	Tô Thị Sứ	104 Cao Thắng, P.4 Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	170	Phổ thông	100.000
51	Trần Thị Quy	27-29 Trần Hoà, P10, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	220	Phổ thông	100.000
52	Trần Thị Thuý Dương	285/Q1A CMT8, P.12, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
53	Cao Hữu Chiến	H10A CMT8, P.12, Q.TB, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	229	Phổ thông	100.000
54	Vũ Văn Hoàng	Xã Nghĩa Thịnh, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Hà	Việt Nam	40	Phổ thông	100.000
55	Huỳnh Phước	142/24 LThúc Hoạch, P.Phú Thọ Hòa, Q.TPhú Tp.HCM	Việt Nam	250	Phổ thông	100.000
56	Huỳnh Thị Ngọc Châm	104, Lô D, Cư xá Thanh Đa, P27, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	359	Phổ thông	100.000
57	Lê Liêm	271 Huỳnh Văn Bánh, P11, Q.Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
58	Lê Văn Thi	124/30 Xóm Đất, P8, Q.11, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	298	Phổ thông	100.000
59	Đặng Thị Ngọc Châu	265/7/29 PNLão, P.PNLão, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
60	Đặng Thuý Oanh	A2 Cư xá Bắc Bình P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	308	Phổ thông	100.000
61	Đặng Tuyết Minh	70/29 Cư xá Đô Thành, P4, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	409	Phổ thông	100.000
62	Nguyễn Diệu Khanh	12/3D Kỳ Đồng, P.9, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	229	Phổ thông	100.000
63	Nguyễn Thị Cẩm Vân	562/1B Lê Quang Định, Q. Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	200	Phổ thông	100.000
64	Nguyễn Văn Thiện	303/2 Cô Giang, P2, Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
65	Nguyễn Xuân Toàn	301T4 Lô B CC 189B, Công Quỳnh, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	194	Phổ thông	100.000
66	Phan Trứ Phiêu	517/19 Nguyễn Trãi, P.7, Q.5, Tp. Hồ Chí Minh	Việt Nam	793	Phổ thông	100.000

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CP	Loại CP	Mệnh giá (đ/CP)
67	Đỗ Văn Thịnh	202DC/63 Hoà Bình, P.5, Q.11, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	537	Phổ thông	100.000
68	Tăng Trịnh Thanh Trúc	Vĩnh Mỹ B, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
69	Trần An Liên	132 Ng. Thái Học, P.PNLão, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	555	Phổ thông	100.000
70	Trịnh Văn Thông	575/70 CMT8, P.15, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	453	Phổ thông	100.000
71	Vũ Thị Kim Dung	50 CMT8, P.6, Q3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
72	Nguyễn Kim Phụng	B4/1 Chu Văn An, P.12, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	421	Phổ thông	100.000
73	Lê Thị Thanh Hương	141/10 Lý Tự Trọng, P.Bến Thành, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	424	Phổ thông	100.000
74	Nguyễn Thị Phước	264/3 KP3, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
75	Nguyễn Văn Bình	5/3 KP3, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	240	Phổ thông	100.000
76	Quản Thị Cẩm Tú	84/2 Nguyễn Thị Nhỏ, P9, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	190	Phổ thông	100.000
77	Hồ Thị Thanh Hiền	Xã Minh Đạo, Huyện Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	Việt Nam	210	Phổ thông	100.000
78	Hoàng Việt Phương	143 Lầu 2 Bùi Viện, P.PNLão, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	110	Phổ thông	100.000
79	Lại Thị Nhung	82/25/2 Lý Thường Kiệt, P7, Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
80	Lữ Thị Tiến	82/23 Bùi Đình Túy, P24, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	220	Phổ thông	100.000
81	Mai Đình Hưng	Xã Thọ Hải, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá	Việt Nam	70	Phổ thông	100.000
82	Nguyễn Hồng Cúc Mai	239/34/26 Hoàng Đạo (Trần Văn Đàng), Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
83	Nguyễn Thị Bích Hạnh	16 PNLão, P.PNLão, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	170	Phổ thông	100.000
84	Nguyễn Thị Danh	Xã Tân Việt, Huyện Nam Thanh, Tỉnh Hải Hưng	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
85	Nguyễn Thị Hương	361/8 Tân Quy, Q.7, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	240	Phổ thông	100.000
86	Nguyễn Thị Kim Thu	144/45 Trần Phú, P.4 Q.5 Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	360	Phổ thông	100.000
87	Nguyễn Thị Ngoan	Xã Minh Đạo, Huyện Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
88	Nguyễn Văn Ba	283 CX Lý Thái Tổ, P.1, Q3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
89	Đình Thị Mừng	21/1/9 Nguyễn Thiện Thuật, P2, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
90	Phạm Thị Thuý	15 Đoàn Như Hải, P.12, Q.4, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	210	Phổ thông	100.000
91	Phan Thị Thành	40 Nguyễn Trường Tộ, P.12, Q.4, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	80	Phổ thông	100.000
92	Trịnh Thị Hương Lan	Xã Hiệp Thạnh, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
93	Văn Thị Hồng Hà	351/13 Ng. Trọng Tuyển,P.1, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
94	Vấn Thuý Quyên	288 CMT8, P.10 Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
95	Huỳnh Văn Hào	268 Thống Nhất, Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	378	Phổ thông	100.000
96	Cao Hữu Dương	Xã Nhân Bình, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam	Việt Nam	40	Phổ thông	100.000
97	Danh Thị Hoa	Xã Phan Rang, Huyện Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	180	Phổ thông	100.000
98	Dương Ngọc Thoan	Xã Khánh Công, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình	Việt Nam	100	Phổ thông	100.000
99	Hồ Thị Yên	Xã Mường Mán, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Thuận Hải	Việt Nam	190	Phổ thông	100.000
100	Huỳnh Thị Tuyết	Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	110	Phổ thông	100.000

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CP	Loại CP	Mệnh giá (đ/CP)
101	Lê Thị Hạnh	Xã Phan Rang, Huyện Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	368	Phổ thông	100.000
102	Lê Thị Ngọc Trinh	Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	110	Phổ thông	100.000
103	Lưu Công Chinh	Xã Giao Yến, Huyện Xuân Thủy, Tỉnh Nam Hà	Việt Nam	80	Phổ thông	100.000
104	Nguyễn Thị Xuân	Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	110	Phổ thông	100.000
105	Nguyễn Thị Thu Thủy	Xã Phan Rang, Huyện Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	104	Phổ thông	100.000
106	Nguyễn Xuân Dương	Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Bình	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
107	Nguyễn Văn Hoá	Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	170	Phổ thông	100.000
108	Nguyễn Văn Long	Xã Đức Hợp, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	Việt Nam	50	Phổ thông	100.000
109	Nguyễn Văn Tú	Xã Phan Rang, Huyện Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
110	Nguyễn Xuân Tùng	Tập thể 608, Thịnh Liệt, Thanh Trì, Tp.Hà Nội	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
111	Phạm Đình Thang	Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	278	Phổ thông	100.000
112	Phạm Văn Nam	D7, Hoàng Diệu, Tx.Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
113	Trần Phước	29/7 Lê Hồng Phong, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	50	Phổ thông	100.000
114	Trần Thị Dung	Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	160	Phổ thông	100.000
115	Trần Thị Loan	KP4, Phú Thủy, Tp.Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Việt Nam	290	Phổ thông	100.000
116	Trần Trung Trí	Xã Tây Đô, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình	Việt Nam	80	Phổ thông	100.000
117	Võ Thị Hương	Thị trấn Phước Dân, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	70	Phổ thông	100.000
118	Vũ Thị Phương	Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	70	Phổ thông	100.000
119	Phạm Xuân Hùng	143 Bùi Viện, P.PNLão, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	190	Phổ thông	100.000
120	Lê Thị Minh Thơ	170 Hoàng Văn Thụ, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
121	Lê Thị Phương	Phước Tân, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
122	Lương Thị Ngọc Thanh	Phước Tân, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
123	Nguyễn Thị Yến	170 Hoàng Văn Thụ, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
124	Huỳnh Thị Ánh Nguyệt	85/3/1 Phương Sài, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
125	Nguyễn Thị Giữ	49B Nguyễn Thiện Thuật, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	310	Phổ thông	100.000
126	Nguyễn Thị Huệ	24 Đồi T Thủy, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
127	Nguyễn Thị Nha	170/3 Hoàng Văn Thụ, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	190	Phổ thông	100.000
128	Nguyễn Thị Thanh Gia	68/8 Đô Lương, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
129	Phạm Huy Quân	Xã Nhân Quyền, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
130	Trần Thái Nam	Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Vĩnh Phú	Việt Nam	70	Phổ thông	100.000
131	Trần Thị Ngọc Âu	Vĩnh Phước, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
132	Trương Thị Mè	Phước Tận, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
133	Vũ Thị Minh Tâm	170 Hoàng Văn Thụ, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
134	Bùi Quang Toàn	1 Quang Trung, P9, Tp.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	290	Phổ thông	100.000

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CP	Loại CP	Mệnh giá (đ/CP)
135	Lương Đình Soa	01 Quang Trung, P.9, Tp.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	160	Phổ thông	100.000
136	Nguyễn Duy Chương	Xã Gia Hiệp, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	50	Phổ thông	100.000
137	Nguyễn Duy Khải	6/1 Quang Trung, P.9, Tp.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	200	Phổ thông	100.000
138	Nguyễn Thị Bích Thủy	01 Quang Trung, P.9, Tp.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	180	Phổ thông	100.000
139	Nguyễn Thị Nhung	2/17D Nguyễn Trãi, P.9, Tp.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	210	Phổ thông	100.000
140	Nguyễn Xuân Nguyên	Xã Đinh Văn, Huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	140	Phổ thông	100.000
141	Quách Thị Thanh Mai	1 Quang Trung, P.9, Tp.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	160	Phổ thông	100.000
142	Trần Thị Minh Hồng	1 Quang Trung, P.9, Tp.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Việt Nam	220	Phổ thông	100.000
143	Huỳnh Đình Lâm	B5 Chu Văn An, P.12, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	1.018	Phổ thông	100.000
144	Huỳnh Thị Tuyết Nga	48/18 Hàm Tử P.1, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	974	Phổ thông	100.000
145	Lê Mỹ Dung	177/2 Bình Triệu, P.HBChánh, Q.TĐức, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	3.343	Phổ thông	100.000
146	Lê Phương Nam	B7 Chu Văn An, P.12, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	1.211	Phổ thông	100.000
147	Đàm Văn Hiệp	TK53/13B Bến C.Dương, P.Cầu Kho, Q.1 Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	2.651	Phổ thông	100.000
148	Nguyễn Đức Thắng	59-59A An Dương Vương, P.8, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	1.883	Phổ thông	100.000
149	Nguyễn Thị Ngà	216/88 Hoà Hưng, P.13, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	3.188	Phổ thông	100.000
150	Đoàn Văn Tuấn	121 Nguyễn Trãi, P.2, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	2.775	Phổ thông	100.000
151	Tăng Thị Minh Tân	20/16F Kỳ Đồng, P.9, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	3.160	Phổ thông	100.000
152	Trần Vĩ Đường	97 Đề Thám, P.Cô Giang, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	1.165	Phổ thông	100.000
153	Trương Ái Liễu	161 Nguyễn Duy Dương, P.3, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	1.018	Phổ thông	100.000
154	Hoàng Thị Nga	Xã Đông Hoàng, Huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hoá	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
155	Hoàng Thị Phương	290/6 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
156	Lê Ánh Thủy	130/7 CMT8, Q.10, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	80	Phổ thông	100.000
157	Lê Thị Minh Nguyệt	021C Chung cư Ngô Gia Tự, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	70	Phổ thông	100.000
158	Lưu Tuyết Trinh	24 Hàng Da, Tp.Hà Nội	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
159	Mai Văn Hoàn	15 Ngõ Phố Giác, Ngõ Sỹ Liên, Tp.Hà Nội	Việt Nam	330	Phổ thông	100.000
160	Đặng Thị Thu Vy	205/72 Trần Văn Đăng, P.11 Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
161	Nguyễn Khánh Ly	21 Đại Đồng, Tp.Hà Nội	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
162	Nguyễn Thị Kim Oanh	221 CX Đường Sắt, Lý Thái Tổ, P.1, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	260	Phổ thông	100.000
163	Nguyễn Thị Ngọc Quý	81/55/5 Hồ Văn Huê, P.9, Q.Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
164	Nguyễn Thị Song Hà	P.102-M15B, Trương Định, Tp. Hà Nội	Việt Nam	170	Phổ thông	100.000
165	Nguyễn Thị Thanh Thủy	A7 P.11, Tập thể Khương Thượng, Hà Nội	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
166	Nguyễn Thị Thu Hà	Tổ 11, Sài Đồng, Gia Lâm, Tp.Hà Nội	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
167	Nguyễn Thủy Trân	220/37 Lê Văn Sỹ, P.14, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	360	Phổ thông	100.000
168	Nguyễn Trung Đông	Xã Mộ Đạo, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CP	Loại CP	Mệnh giá (đ/CP)
169	Đỗ Kỳ Anh	Tập thể Công Trường 2, Vĩnh Tuy, Tp.Hà Nội	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
170	Phan Thị Kim Phượng	Xã Âm Thượng, Huyện Thanh Hoà, Tỉnh Vĩnh Phú	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
171	Trần Bộ Thiên	1980A, Huỳnh V. Chính, P.19, Q.TBinh, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
172	Trương Quốc Dũng	Xã Đại Lãnh, Huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
173	Vây Văn Minh	1260 Đường 3-2, P.2, Q.11, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
174	Hồ Thị Bích Hằng	69 Đoàn V. Bơ, Q.4, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
175	Lê Song Bình	39 Huỳnh Văn Chính, P.19 Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	130	Phổ thông	100.000
176	Nguyễn Minh Đạt	22 Hùng Vương, P.2, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	220	Phổ thông	100.000
177	Trương Bội Hiền	360 Trần Phú, Q.5, Tp. Hồ Chí Minh	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
178	Hàng Tín	228/21 Hậu Giang, P.9, Q.6, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
179	Huỳnh Đăng Dũng	418/12 Phan Xích Long, P.2, Q.PNhuận, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
180	Đặng Thụy Ngọc Trang	80/14 Nguyễn Lâm, P.3, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	40	Phổ thông	100.000
181	Nguyễn Thị Phương Trang	Xã Bình Trung, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
182	Bùi Quang Thắng	53/103 Châu Thượng Văn, Tp.Đà Nẵng	Việt Nam	15	Phổ thông	100.000
183	Hà Văn Bình	Xã Vũ Lạc, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình	Việt Nam	180	Phổ thông	100.000
184	Huỳnh Lâm	Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
185	Huỳnh Lê Trung	Thôn 4, Xã Sông Luỹ, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận	Việt Nam	500	Phổ thông	100.000
186	Kiều Xuân Thắng	Tập thể Viện KHVN, Kim Mã, Tp.Hà Nội	Việt Nam	90	Phổ thông	100.000
187	Lê Hạnh	561/19/5 XVNT, P.26, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	853	Phổ thông	100.000
188	Mai Thị Trang	Xã Phan Rang, Huyện Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
189	Đặng Thị Thu Hương	285/5 Trần Bình Trọng, P.4, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	466	Phổ thông	100.000
190	Đặng Thị Thu Thủy	7 Nguyễn Oanh, P.17, Q.Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	30	Phổ thông	100.000
191	Ngô Hoa Thanh	Thị trấn Phúc Yên, Huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
192	Nguyễn Anh Hưng	Xã Tân Hồng, Huyện Ba Vì, Tỉnh Hà Tây	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
193	Nguyễn Thị Len	Xã Trục Mỹ, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
194	Nguyễn Thị Minh Hà	215F/1 Phan Đăng Lưu, P.1 Q.Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	280	Phổ thông	100.000
195	Nguyễn Thị Xuân Hoa	Xã Diên Lạc, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
196	Nguyễn Văn Chương	P309/461 Trần Quý Cáp, Tp. Hà Nội	Việt Nam	50	Phổ thông	100.000
197	Phan Hiền	Xã An Lộc, Huyện Bình Long, Tỉnh Bình Phước	Việt Nam	20	Phổ thông	100.000
198	Thái Văn Ba	Tổ 33, P.Phước Mỹ, Q.Sơn Trà, Tp.Đà Nẵng	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
199	Tô Thủy Trinh	Xã Hải Ninh, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
200	Trần Ngọc Minh Thu	Xã Tân Kim, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An	Việt Nam	311	Phổ thông	100.000
201	Trần Thị Thu Trang	Xã Bình Đông, Huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
202	Trần Văn A	369/57 Lý Thái Tổ, P.9, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	270	Phổ thông	100.000

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CP	Loại CP	Mệnh giá (đ/CP)
203	Vũ Thị Quay	Bình Khê, Phước Tân, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Việt Nam	10	Phổ thông	100.000
204	Công ty TNHH TM-DL Đại Lâm	764 Trần Hưng Đạo, P.7 Q.5 Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	50.000	Phổ thông	100.000
205	Trần Hiền Phước	97 Đề Thám, P.Cô Giang, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam	2.000	Phổ thông	100.000



GIẤY ỦY QUYỀN

Về việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa (Công ty)

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

1. Người ủy quyền (Tên tổ chức/cá nhân):.....

Số CMND/CCCD/ĐKKD: cấp ngày: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tổng số cổ phần sở hữu (mệnh giá 10.000 đ/l CP):

(Bằng chữ:.....)

2. Người nhận ủy quyền:

2.1. Ủy quyền cho ông/bà:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: cấp ngày: Nơi cấp:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:

Số cổ phần được ủy quyền:.....

(Bằng chữ:.....)

2.2. Hoặc ủy quyền cho một trong những người thuộc thành viên Hội đồng quản trị(HĐQT) Công ty có tên sau đây (chọn bằng cách đánh dấu chéo vào ô phía trước tên người được ủy quyền):

Bà Trần Thiên Kim – Chủ tịch HĐQT

Bà Lưu Thị Lê – Thành viên HĐQT

Bà Trương Ái Liễu – Thành viên HĐQT

Bà Tăng Thị Minh Tân – Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Văn Đông – Thành viên HĐQT

Số cổ phần được ủy quyền:.....

(Bằng chữ:.....)

3. Nội dung ủy quyền:

Người nhận ủy quyền được đại diện cho Người ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ của Người ủy quyền tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong phạm vi số cổ phần được ủy quyền đúng theo pháp luật và Điều lệ Công ty; Giấy ủy quyền chỉ có giá trị tới khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ.

Người ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và của Điều lệ Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa về việc thực hiện ủy quyền này.

....., ngày..... tháng 6 năm 2019

Người nhận ủy quyền

(ký, ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền

(ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú:

- Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền 01 lần; số lượng cổ phần ủy quyền không quá tổng số cổ phần sở hữu; Người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ 3;

- Khi tham dự Đại hội, Người nhận ủy quyền phải mang theo và xuất trình cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội các giấy tờ sau: Giấy ủy quyền bản gốc có dấu treo của Công ty, CMND của Người nhận ủy quyền và Thông báo mời họp.

- Giấy ủy quyền phải được ký trực tiếp, không sử dụng chữ ký bằng các hình thức khác như bằng con dấu, chữ ký được in từ máy tính...



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

---o0o---

MẪU

PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 1

Mã số biểu quyết : SHX

Họ tên :

Số cổ phần sở hữu:

NỘI DUNG BIỂU QUYẾT (Cổ đông biểu quyết ý kiến nào thì ký tên vào ô tương ứng, sau đó ký xác nhận thông tin ở cuối Phiếu biểu quyết)

Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty theo bản dự thảo Điều lệ mới đính kèm Tờ trình số 1 về việc sửa đổi Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa.

Điều lệ sửa đổi có hiệu lực ngay khi được thông qua và được áp dụng tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

Các nội dung sửa đổi này sẽ được cập nhật tương ứng vào Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty hiện hành

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Ngày 28 tháng 6 năm 2019
CỔ ĐỒNG/ ĐẠI DIỆN CỔ ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

---000---

MẪU



PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 2

Mã số biểu quyết: SHX

Họ tên:

Số cổ phần sở hữu:

NỘI DUNG BIỂU QUYẾT (Cổ đông biểu quyết ý kiến nào thì ký tên vào ô tương ứng, sau đó ký xác nhận thông tin ở cuối Phiếu biểu quyết)

Thông qua việc sửa đổi khoản 1 Điều 38 và khoản 1 Điều 53 Điều lệ Công ty như sau:

- Khoản 1 Điều 38 sửa đổi như sau: "HDQT có năm thành viên do ĐHĐCD bầu ra. Việc bầu thành viên HDQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014".
- Khoản 1 Điều 53 sửa đổi như sau: "Là tổ chức do ĐHĐCD bầu ra theo phương thức bầu dồn phiếu. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014".

Nội dung sửa đổi quy định tại Khoản 1 Điều 38 và Khoản 1 Điều 53 về việc bầu cử thành viên HDQT và Kiểm soát viên nêu trên có hiệu lực ngay khi được thông qua và được áp dụng tại ĐHĐCD thường niên năm 2019. Các nội dung sửa đổi này sẽ được cập nhật tương ứng vào Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty hiện hành.

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Ngày 28 tháng 6 năm 2019
CÓ ĐÔNG/ ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

---000---

MẪU

PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 3

Mã số biểu quyết: SHX []

Họ tên: []

Số cổ phần sở hữu: []

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT (Cổ đông biểu quyết ý kiến nào thì ký tên vào ô tương ứng, sau đó ký xác nhận thông tin ở cuối Phiếu biểu quyết)

Thông qua Tờ trình số 2 về việc thông qua kết quả kinh doanh năm 2018

1	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
	[]	[]	[]

Thông qua Tờ trình số 3 về việc thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2019

2	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
	[]	[]	[]

Thông qua Tờ trình số 4 về việc thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc

3	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
	[]	[]	[]

Thông qua Tờ trình số 5 về việc thông qua Báo cáo hoạt động năm 2016 của Hội đồng quản trị

4	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
	[]	[]	[]

Thông qua Tờ trình số 6 về việc thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

5	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
	[]	[]	[]

Thông qua Tờ trình số 7 về việc thông qua Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán

6

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Thông qua Tờ trình số 8 về việc phân phối lợi nhuận năm 2018

7

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Thông qua Tờ trình số 9 về việc phương án lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

8

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Thông qua Tờ trình số 10 về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

9

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Thông qua Tờ trình số 11 về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát và bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát

10

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Thông qua Tờ trình số 12 về việc phê chuẩn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

11

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Ngày 28 tháng 06 năm 2019
CÓ ĐỒNG/ ĐẠI DIỆN CÓ ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

---000---

MẪU

PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 4

Mã số biểu quyết: **SHX**

Họ tên: _____

Số cổ phần sở hữu: _____

NỘI DUNG BIỂU QUYẾT (Cổ đông biểu quyết ý kiến nào thì ký tên vào ô tương ứng, sau đó ký xác nhận thông tin ở cuối Phiếu biểu quyết)

Thông qua Thể lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Ngày 28 tháng 6 năm 2019
CỔ ĐÔNG/ ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)